

Giáo án Địa lý lớp 5 cả năm

Môn: Địa lý

Tiết: 1

Tên bài dạy: VIỆT NAM – ĐẤT NƯỚC CHÚNG TA

I. MỤC TIÊU:

- Chỉ được vị trí, giới hạn của nước VN trên bản đồ và quả địa cầu.
- Nêu được diện tích của lãnh thổ VN.
- Nêu được những thuận lợi do vị trí đem lại.
- Chỉ và nêu được tên một số đảo, quần đảo của nước ta trên bản đồ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Quả địa cầu hoặc bản đồ thế giới.
- Lược đồ Việt Nam. Các thẻ từ ghi tên các đảo.
- Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ</u>: Không có. B. <u>Dạy bài mới</u>:(35 phút) 1. Giới thiệu bài (1 p) - GV giới thiệu, ghi đầu bài. 2. Giảng bài: (34 p) a) Vị trí và giới hạn - Các em có biết đất nước ta nằm trong khu vực nào của thế giới không? - Hãy chỉ vị trí Việt Nam trên quả địa cầu?	- HS lắng nghe - 2-3 HS lên bảng tìm và chỉ vị trí của VN trên quả địa cầu.

- GV treo lược đồ VN. * YC học sinh hoạt động nhóm 2 Quan sát lược đồ VN trong khu vực ĐNA. + Chỉ phần đất liền của nước ta trên lược đồ? + Nêu các nước giáp phần đất liền của nước ta? + Cho biết biển bao bọc phía nào của nước ta? Tên biển là gì? + Kể tên một số đảo và quần đảo của VN? - GV nêu kết luận: VN nằm trên bán đảo Đông Dương thuộc khu vực ĐNA. Đất nước ta vừa có biển các đảo và các quần đảo. b) Một số thuận lợi do vị trí địa lý mang lại cho nước ta. - Vì sao nói VN có nhiều thuận lợi cho việc giao lưu với các nước trên thế giới bằng đường bộ, đường biển và đường hàng không? - Gọi HS nêu ý kiến trước lớp. - GV chốt ý c) Hình dạng và diện tích:	- HS trao đổi nhóm 2, chỉ lược đồ và trả lời câu hỏi. - Dùng que chỉ và chỉ. - Trung quốc, Lào, Cam- pu- chia - Biển Đông bao bọc các phía đông, nam, tây nam của nước ta. - Đảo Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Phú Quốc,... - HS tự suy nghĩ và trả lời. - Một vài HS nêu ý kiến trước lớp, cả lớp nghe và nhận xét, bổ sung.
---	--

- YC HS thảo luận nhóm 4.(2phút) - GV phát phiếu cho các nhóm. - Gọi 1 HS đọc yc,nội dung phiếu. (Theo sách thiết kế) - YC học sinh thảo luận trong nhóm để hoàn thành phiếu. - Mời đại diện 2-3 nhóm lên trình bày KQ thảo luận. - GV nêu kết luận: <i>Phần đất liền của nước ta hẹp ngang, chạy dài theo chiều Bắc-Nam với đường bờ biển cong hình chữ S từ Bắc vào Nam theo đường thẳng dài khoảng 1650 km, từ Tây sang Đông, nơi hẹp nhất chưa đầy 50km.</i> C. <u>Củng cố, dặn dò</u>(5 phút) - GV tổ chức cuộc thi giới thiệu :<i>VN đất nước tôi.</i> - GV hướng dẫn cách chơi. - Các tổ bốc thăm thứ tự thi. - YC HS trình bày theo thứ tự. - GV tổng kết tiết học. - Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau: <i>Địa hình và khoáng sản.</i>	- Các nhóm làm việc để hoàn thành phiếu của nhóm mình. - 1 HS đọc nội dung phiếu. - Vài HS nêu kết quả thảo luận của nhóm mình.Cả lớp nghe và bổ sung. - HS lắng nghe Các tổ nghe GV hướng dẫn, nhận đồ dùng và chuẩn bị - Cả lớp chấm điểm bằng thẻ
--	--

--	--

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 2

Tên bài dạy: ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN

I. MỤC TIÊU:

- HS nắm được một số đặc điểm chính của địa hình, khoáng sản nước ta.
- Kể tên và chỉ được vị trí một số dãy núi, đồng bằng lớn của nước ta.
- Kể tên một số loại khoáng sản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam.
- Lược đồ địa hình, khoáng sản Việt Nam.

III.HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ:(5 phút) - GV gọi 2 HS lên bảng: + Chỉ vị trí của nước ta trên lược đồ VN trong khu vực ĐNA và trên quả địa cầu? + Chỉ và nêu tên một số đảo và quần đảo của nước ta? - GV nhận xét, cho điểm từng em. B. Dạy bài mới(32 phút) 1. Giới thiệu bài: (1 p) - GV giới thiệu và ghi đầu bài. 2. Hoạt động1: (10 p) *Địa hình Việt Nam. - YC học sinh thảo luận nhóm đôi(3p) Quan sát lược đồ địa hình VN và: + Chỉ vùng núi và vùng đồng bằng của nước ta. + Nêu tên và chỉ trên lược đồ các dãy núi. Dãy nào có hướng TB- ĐN? Dãy nào có hình cánh cung? + Núi nước ta có mấy hướng chính đó là	- 2 HS lần lượt lên bảng, mỗi em trả lời 1 câu. - HS ghi đầu bài. - 2 HS ngồi cạnh nhau trao đổi - HS quan sát lược đồ trong SGK - Dùng que chỉ - TB- ĐN và hình vòng cung

những hướng nào? + Nêu tên và chỉ trên lược đồ các đồng bằng và cao nguyên ở nước ta? + So sánh S đồi núi với S đồng bằng - Gọi đại diện nhóm nêu KQ thảo luận. - GV chốt ý, nêu kết luận. 3. <u>Hoạt động 2</u>: (10 p) *Khoáng sản Việt Nam: - GV treo lược đồ khoáng sản VN HS quan sát, trả lời các câu hỏi: + Đọc tên lược đồ và cho biết lược đồ này dùng làm gì? + Hãy nêu tên một số loại khoáng sản ở nước ta. Loại khoáng sản nào có nhiều nhất? + Chỉ những nơi có mỏ than, sắt, a-pa-tit, bô-xít, dầu mỏ? - Gọi HS trình bày đặc điểm khoáng sản của nước ta. - GV nêu kết luận: Nước ta có nhiều loại khoáng sản, than là loại khoáng sản nhiều nhất. 4. <u>Hoạt động 3</u>: (10 p) *Những ích lợi do địa hình và khoáng sản mang lại:	- HS lên chỉ - S đồi núi lớn gấp 3 S đồng bằng - HS lắng nghe. - HS quan sát và trả lời. - Giúp ta NX về khoáng sản VN. - Dầu mỏ, khí tự nhiên,..., than là nhiều nhất. - HS vừa chỉ vừa nêu. - HS trình bày. - HS lắng nghe.
--	--

- YC học sinh thảo luận nhóm 2. - GV phát phiếu cho các nhóm. - Gọi 1 HS nêu nội dung. - Cho HS thảo luận trong 2p. - Yêu cầu 2 nhóm lên trình bày. C. <u>Củng cố, dặn dò</u>(3 phút) - HD học sinh chơi trò chơi: <i>Những nhà quản lý khoáng sản tài ba.</i> - GV chốt ý chính của bài. - Về nhà học bài. - Chuẩn bị bài sau: <i>Khí hậu</i>	- HS hoạt động nhóm. Đáp án: 1. a. nông nghiệp b. Khai thác khoáng sản, công nghiệp..... - HS tham gia chơi - HS lắng nghe. - HS ghi nhớ.
---	---

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 3

Tên bài dạy: KHÍ HẬU

I. MỤC TIÊU:

- HS trình bày được đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta.
- Hs nhận biết được mối quan hệ địa lí giữa địa hình và khí hậu.

- Nhận biết được ảnh hưởng của khí hậu đến đời sống và sản xuất của nhân dân ta.

II. ĐỒ DÙNG:

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (5p) - Gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi: + Trình bày đặc điểm chính của địa hình nước ta? + Nêu tên và chỉ các dãy núi trên lược đồ? - Nhận xét, cho điểm từng HS. B. Dạy bài mới: (32p) 1. Giới thiệu bài: (1 p) GV giới thiệu và ghi đề bài lên bảng. 2. Hướng dẫn: * <u>Hoạt động 1</u>: Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa. (10 p) - YC học sinh HĐ nhóm 4: Quan sát quả địa cầu, hình 1 và đọc SGK trả lời: + Chỉ vị trí VN trên địa cầu và cho biết nước ta nằm trong đới khí hậu nào? ở đới	- 2 HS lần lượt lên bảng trả lời. - Cả lớp nhận xét phần trình bày của bạn - HS ghi đầu bài. - HS hoạt động nhóm.(2phút) - Đới khí hậu nhiệt đới, khí hậu nóng.

khí hậu đó, nước ta có khí hậu nóng hay lạnh? + Nêu đặc điểm của khí hậu nước ta? - Gọi đại diện nhóm trả lời KQ thảo luận. - GV kết luận: <i>Nước ta có khí hậu nhiệt đới gió mùa nên nói chung là nóng, có nhiều mưa và gió, mưa thay đổi theo mùa.</i> * <u>Hoạt động 2</u>: Khí hậu các miền có sự khác nhau. (10 p) - HS làm việc cá nhân: + Chỉ trên lược đồ ranh giới khí hậu giữa miền Bắc và miền Nam nước ta? - Hs trao đổi nhóm 2: Dựa vào bảng số liệu và đọc SGK, hãy tìm sự khác nhau giữa khí hậu miền Bắc và miền Nam. Cụ thể: + Sự chênh lệch nhiệt độ giữa tháng 1 và tháng 7. + Về các mùa khí hậu. + MB có những hướng gió nào hoạt động? ảnh hưởng của nó đến khí hậu miền Bắc? + MN có những hướng gió nào hoạt động? ảnh hưởng của nó đến khí hậu miền Nam? + Chỉ trên lược đồ miền khí hậu có mùa đông lạnh và miền khí hậu nóng quanh năm - Gọi HS lên trình bày.	- Đại diện 3 nhóm trình bày. - HS lắng nghe. - 2 HS lên chỉ lược đồ dãy Bạch Mã. - HS trao đổi theo cặp. - Gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam. - Gió tây nam và gió đông nam. - Chỉ theo đường bao quanh của từng miền khí hậu. - 3 em lên trình bày.
---	---

- Nước ta có mấy miền khí hậu, nêu đặc điểm chủ yếu của từng miền khí hậu? - Nếu lãnh thổ nước ta không trải dài từ Bắc vào Nam thì khí hậu có thay đổi theo mùa không? - GV nêu kết luận * <u>Hoạt động 3: ảnh hưởng của khí hậu đến đời sống và sản xuất: (10 p)</u> - Khí hậu nóng và mưa nhiều giúp gì cho sự phát triển cây cối của nước ta? - Vào mùa mưa, khí hậu nước ta thường xảy ra hiện tượng gì? Có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống và sản xuất của nhân dân? - Mùa khô kéo dài gây hại gì cho đời sống và sản xuất? - GV nêu kết luận. C. <u>Củng cố, dặn dò:</u>(3p) - Gv tổng kết các nội dung chính. - GV nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau: Sông ngòi	- Không thay đổi. - HS lắng nghe. - Cây cối dễ phát triển. - Bão, lũ gây thiệt hại - Hạn hán kéo dài, thiếu nước - HS lắng nghe - HS lắng nghe. - HS ghi nhớ
---	---

--	--

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 4

***Tên bài dạy:* SÔNG – NGÒI**

I. MỤC TIÊU:

- Chỉ được trên bản đồ một số sông chính của Việt Nam.
- Trình bày được một số đặc điểm của sông ngòi Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG:

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
-------------------------------	------------------------------

A. Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

- GV gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi:
- + Hãy nêu đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa ở nước ta?
- + Khí hậu có ảnh hưởng gì đến đời sống và sản xuất của nhân dân ta?
- NX, cho điểm từng HS.

B. Dạy bài mới: (33 phút)

1. Giới thiệu bài: (1 p)

GV giới thiệu và ghi bảng đề bài.

2. Hướng dẫn:

* *Hoạt động 1*: (10 p)

**Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc
và sông có nhiều phù sa:**

- YC HS quan sát hình 1 SGK, trả lời :
 - + Nước ta có nhiều sông hay ít sông?
 - Chúng được phân bố ở đâu?
 - + Kể tên và chỉ trên hình 1 vị trí một số sông ở VN?
 - + Sông ngòi ở miền Trung có đặc điểm gì? Vì sao lại có đặc điểm đó?
 - + Về mùa mưa lũ em thấy nước của các con sông có màu gì? Vì sao?
 - + Nêu nhận xét về sông ngòi nước ta?
- GV chốt ý chính.

- 2 HS lần lượt lên bảng trả lời.
- Cả lớp nhận xét.

- HS nghi đầu bài.

- HS quan sát lược đồ SGK.
- Nhiều sông, phân bố khắp đất nước.
- Vài HS lên bảng chỉ.
- Ngắn, dốc do hẹp ngang.
- Nước sông có màu đỏ...
- 2 HS nêu nhận xét.
- HS lắng nghe

* <i>Hoạt động 2</i>: HĐ nhóm 4 Sông ngòi nước ta có lượng nước thay đổi theo mùa: - YC học sinh các nhóm đọc SGK, quan sát hình 2, 3 hoàn thành bảng thống kê như SGK trang 86. - Gv theo dõi, giúp đỡ các em hoàn thành bài tập.(Thời gian: 3p) - Gọi đại diện các nhóm trình bày KQ thảo luận. - GV sửa chữa, giúp HS hoàn thiện BT. - GV hỏi: Lượng nước trên sông ngòi phụ thuộc vào yếu tố nào của khí hậu? - GV vẽ lên bảng sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa khí hậu và sông ngòi. - GV nêu kết luận. * <i>Hoạt động 3</i>: Vai trò của sông ngòi - Tổ chức cho HS thi tiếp sức kể về vai trò của sông ngòi. + Chọn 2 đội, mỗi đội 5 em, xếp thành hàng dọc hướng lên bảng. + Khi có hiệu lệnh, lần lượt từng em lên viết một vai trò của sông mà mình biết.	- HS hoạt động nhóm theo yêu cầu. - 2-3 nhóm báo cáo, các nhóm khác NX, bổ sung. - Phụ thuộc vào lượng mưa. - HS theo dõi, lắng nghe. - HS tham gia chơi. - Lắng nghe GV hướng dẫn - Thực hiện trò chơi.
---	--

- Thời gian chơi là 1 phút, đội nào viết được nhiều vai trò thì thắng.
- Gọi HS dưới lớp NX, bổ sung.
- Gọi 1 HS nêu lại các vai trò của sông ngòi VN.

C. Củng cố, dặn dò: (2 phút)

- 1 HS lên bảng chỉ vị trí 2 đồng bằng lớn và những con sông bồi đắp lên chúng
 - 1 HS chỉ vị trí nhà máy thủy điện Hoà Bình, Y-a-ly, Trị An.
- Bài sau: Vùng biển nước ta.

- Cả lớp nhận xét, bổ sung.
- 1 HS nêu.

- 1 em lên bảng vừa chỉ vừa trình bày.
- 1 HS lên chỉ bản đồ.

--	--

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 5

***Tên bài dạy:* VÙNG BIỂN NƯỚC TA.**

I. MỤC TIÊU:

- Trình bày được một số đặc điểm của vùng biển nước ta.
- HS chỉ được vùng biển trên bản đồ.
- Nêu được vai trò của biển đối với khí hậu, đời sống, sản xuất.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ địa lý tự nhiên Việt Nam. Bản đồ hành chính VN.
- Lược đồ khu vực biển đông.
- Thẻ từ ghi tên một số bãi tắm.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (5 phút) Gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi: + Sông ngòi nước ta có đặc điểm gì? + Nêu vai trò của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất của nhân dân ta? - Nhận xét, cho điểm từng HS. B. Dạy bài mới: (32 phút) 1. Giới thiệu bài: (1 p) GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. Hoạt động 1: Vùng biển nước ta. - GV chỉ bản đồ và nêu: Nước ta có vùng biển rộng, biển nước ta là một bộ phận của biển đông. - YC học sinh quan sát lược đồ và hỏi: + Biển Đông bao bọc ở những phía nào của đất liền VN? - Gọi HS lên chỉ vùng biển của VN.	- 2 HS lên bảng trả lời câu hỏi. - Cả lớp theo dõi, nhận xét. - HS ghi đầu bài vào vở - HS hoạt động cá nhân. - HS theo dõi, lắng nghe. - HS quan sát lược đồ trên bảng. - 3 HS trả lời - Vài em lên chỉ lược đồ. - Lắng nghe

- GV nêu kết luận: Vùng biển nước ta là một bộ phận của biển đông. * Hoạt động 2: (10 p) Đặc điểm của vùng biển nước ta. - HS hoạt động nhóm 2: Đọc mục 2 SGK + Tìm những đặc điểm của biển VN? + Mỗi đặc điểm trên có tác động thế nào đến đời sống và sản xuất của nhân dân ta? - YC học sinh thảo luận và hoàn thành phiếu BT như SGK trang 89. - GV gọi 1 số HS trình bày KQ. - GV sửa chữa và giúp HS hoàn thiện BT. - GV mở rộng về hiện tượng thủy triều. * Hoạt động 3: (10 p) Vai trò của biển. - YC HS thảo luận nhóm 4: (2 p) Yêu cầu: nêu vai trò của biển đối với đời sống và sản xuất của nhân dân. Gợi ý: + Biển tác động như thế nào đến khí hậu nước ta? + Biển cung cấp cho chúng ta những loại tài nguyên nào?	- Hoạt động nhóm 2. - HS thảo luận theo cặp, ghi vào phiếu kết quả thảo luận. - 3 HS nối tiếp trình bày. - HS lắng nghe - 1 em nêu yêu cầu - HS trao đổi trong nhóm.
---	---

+ ²Biên mang lại thuận lợi gì cho giao thông nước ta?

- GV gọi 2-3 nhóm trình bày KQ thảo luận
- GV nêu kết luận: Biển điều hoà khí hậu, là nguồn tài nguyên và đường giao thông quan trọng Ven biển có nhiều nơi du lịch, nghỉ mát hấp dẫn.

C. Cùng cố, dặn dò: (3 phút)

- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi:” Hướng dẫn viên du lịch”
- GV nhận xét tiết học.
- Dặn HS học thuộc bài và chuẩn bị bài sau: Đất và rừng.

- 2-3 em trình bày ý kiến của nhóm.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- HS tham gia chơi trò chơi.
- HS lắng nghe.

--	--

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 6

Tên bài dạy: ĐẤT VÀ RỪNG

I. MỤC TIÊU:

- HS chỉ được trên bản đồ vùng phân bố của đất phe- ra-lit, đất phù sa, rừng rậm nhiệt đới, rừng ngập mặn.

- Nêu được đặc điểm, vai trò của đất, rừng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bản đồ địa lý tự nhiên.

- Lược đồ phân bố rừng.

- Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ</u>: (5 phút) - GV gọi HS trả lời câu hỏi: + Nêu vị trí và đặc điểm của vùng biển nước ta?	- 2 HS lên bảng trả lời câu hỏi. - Cả lớp theo dõi và nhận xét.

+ Biển có vai trò thế nào đối với đời sống và sản xuất của con người? - Nhận xét và cho điểm từng HS. B. Dạy bài mới: (32 phút) a. Giới thiệu bài: (1 p) GV giới thiệu và ghi đầu bài. b. Hướng dẫn: (31 p) <u>HĐ1:</u> Các loại đất chính ở nước ta. - YC HS trao đổi theo cặp: đọc SGK và hoàn thành sơ đồ về các loại đất chính : Phe- ra- lit; phù sa(vùng phân bố và đặc điểm) (sơ đồ như trong sách TKBG) - Gọi 2 HS dựa vào sơ đồ trình bày bằng lời về các loại đất chính ở nước ta. - GV chốt ý chính: <i>Nước ta có nhiều loại đất nhưng chiếm phần lớn là đất phe-ra-lit tập trung ở vùng đồi, núi. đất phù sa do các con sông bồi đắp rất màu mỡ, tập trung ở đồng bằng.</i> <u>HĐ 2:</u> Sử dụng đất một cách hợp lí - Đất có phải là tài nguyên vô hạn không?	- HS ghi đầu bài vào vở. - Hoạt động nhóm 2 - 1 HS đọc yêu cầu phiếu. - HS lần lượt lên bảng vừa chỉ lược đồ vừa trình bày. - HS lắng nghe. - Hoạt động cá nhân. - Là tài nguyên có hạn.
--	---

Từ đây em rút ra kết luận gì về việc sử dụng và khai thác đất? - Nếu chỉ sử dụng mà không cải tạo, bồi bổ bảo vệ đất thì sẽ gây cho đất các tác hại gì? - Nêu một số cách cải tạo và bảo vệ đất mà em biết? - GV kết luận từng vấn đề. <u>HD 3: Các loại rừng ở nước ta</u> - YC HS thảo luận nhóm 4: (3 p) Quan sát các hình 1,2,3; đọc SGK hoàn thành bài tập sau: + Chỉ vùng phân bố và nêu đặc điểm các loại rừng ở nước ta. - GV phát phiếu có kẻ sẵn bảng như SGK trang 92 cho các nhóm. - Đại diện 3 nhóm trình bày KQ trước lớp. - GV nhận xét và nêu kết luận. <u>HD 4: Vai trò của rừng.</u> - Hãy nêu vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất của con người? - Tại sao chúng ta phải sử dụng và khai thác rừng hợp lí? - Em biết gì về thực trạng của rừng nước ta hiện nay?	- Đất sẽ bị bạc màu - Bón phân hữu cơ, thau chua, rửa mặn. - HS thảo luận nhóm, làm bài - 1 em nêu yêu cầu - HS lên bảng chỉ lược đồ và trình bày. - HS hoạt động cá nhân. - Điều hoà khí hậu, giữ đất không bị xói mòn. - Tránh ảnh hưởng xấu đến môi trường. - Rừng bị tàn phá nặng nề.
--	---

- Đề bảo vệ rừng, nhà nước và người dân cần làm gì? - Địa phương em đã làm gì để bảo vệ rừng? C. <u>Củng cố, dặn dò:</u> (3 phút) - GV chốt ý chính - HS đọc phần ghi nhớ trong SGK. - GV nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài sau: Ôn tập	- HS tự trả lời. - HS lắng nghe - 2 HS đọc - HS ghi vở
---	---

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 7

Tên bài dạy: ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU:

- Xác định và nêu tên được vị trí địa lý nước ta trên bản đồ.
- Nêu tên và chỉ được vị trí của một số đảo, quần đảo.
- Nêu tên và chỉ được vị trí của các dãy núi lớn, các sông lớn, đồng bằng lớn.
- Nêu được đặc điểm chính của địa hình, khí hậu, sông ngòi...

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ địa lý VN.
- Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ</u>: (5 phút) - Em hãy trình bày về các loại đất chính của nước ta? - Nêu tác dụng của rừng đối với đời sống của nhân dân ta? B. <u>Dạy bài mới</u>: (32 phút) a. <u>Giới thiệu bài</u>: (1 p) GV giới thiệu và ghi đầu bài. b. <u>Hướng dẫn</u>: (31 p) <u>HD1:</u> Thực hành một số kĩ năng địa lý liên quan đến các yếu tố địa lí tự nhiên VN.	- 2 HS lên bảng trình bày câu hỏi. - Các HS khác nhận xét. - HS ghi đầu bài. - HS hoạt động nhóm 2

- HS làm việc theo cặp, hoàn thành các bài tập sau: (5-7p) + Quan sát lược đồ VN trong khu vực ĐNA, chỉ trên lược đồ và mô tả: - Vị trí và giới hạn của nước ta. - Vùng biển nước ta. - Một số đảo và quần đảo. + Quan sát lược đồ địa hình VN: - Nêu tên và chỉ vị trí các dãy núi. - Nêu tên và chỉ vị trí các đồng bằng của nước ta. - Chỉ vị trí của sông Hồng, sông Thái Bình, sông Tiền, sông Hậu, ... - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm yếu. - GV gọi 2-3 nhóm lên chỉ lược đồ và trình bày. - GV chốt ý chính. HĐ2: Ôn tập về đặc điểm của các yếu tố địa lí tự nhiên VN. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: (5-7 p)	- 2 HS nối tiếp nêu yêu cầu phiếu. - Các nhóm cùng thảo luận, vừa chỉ lược đồ vừa trình bày. - Đại diện nhóm lên trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS về vị trí của nhóm mình. - 1 em đọc yêu cầu phiếu.
---	--

Thảo luận để hoàn thành bảng thống kê các đặc điểm của các yếu tố địa lí tự nhiên VN

<i>Các yếu tố tự nhiên</i>	<i>Đặc điểm chính</i>
<i>Địa hình</i>	
<i>Khoáng sản</i>	
<i>Khí hậu</i>	
<i>Sông ngòi</i>	
<i>Đất</i>	
<i>Rừng</i>	

- GV phát phiếu cho các nhóm, HS thảo luận.
- Gọi 3 nhóm dán phiếu lên bảng và trình bày, mỗi nhóm trình bày 2 yếu tố.
- GV nhận xét, cho điểm.

C. Củng cố, dặn dò:(3 phút)

- GV tổng kết tiết học, dặn HS về xem lại các nội dung ôn tập.
- Dặn HS chuẩn bị bài sau, sưu tầm thông tin về sự phát triển dân số ở VN, các hậu quả của sự gia tăng dân số.

- HS thảo luận.

- Đại diện nhóm lên trình bày.
- Nhóm khác bổ sung.

- HS lắng nghe

--	--

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết:8

Tên bài dạy: DÂN SỐ NƯỚC TA.

I. MỤC TIÊU:

- HS biết dựa vào bảng số liệu, biểu đồ để nhận biết số dân và đặc điểm gia tăng dân số của nước ta.
- Nêu được hậu quả của sự gia tăng dân số.
- Nhận biết được sự cần thiết của kế hoạch hoá gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bảng số liệu về dân số các nước ĐNA năm 2014 phóng to.
- Biểu đồ gia tăng dân số.
- Thông tin, tranh ảnh thể hiện hậu quả của sự gia tăng dân số.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (5 phút) GV gọi 3 HS lên bảng: - Chỉ và nêu vị trí, giới hạn của nước ta trên bản đồ? - Nêu vai trò của đất, rừng đối với đời sống và sản xuất của nhân dân ta? - Chỉ vùng biển nước ta và nêu vai trò của biển với đời sống, sản xuất của ND ta? NX và cho điểm từng HS. B. Dạy bài mới: (32 phút) a. Giới thiệu bài: (1 p) GV giới thiệu và ghi đầu bài. b. Hướng dẫn: (31 p) * HĐ1: Dân số, so sánh dân số VN với dân số các nước ĐNA. - GV treo bảng số liệu số dân các nước ĐNA, yêu cầu HS đọc và hỏi cả lớp:	- 3 HS lần lượt lên bảng trả lời câu hỏi. - Cả lớp theo dõi, nhận xét. - HS lắng nghe. - HS làm việc cá nhân - HS đọc bảng số liệu

+ Đây là bảng số liệu gì? Theo em bảng số liệu này có tác dụng gì? + Các số liệu trong bảng được thống kê vào thời gian nào? + Số dân nêu trong bảng thống kê tính theo đơn vị nào? + Năm 20214 số dân nước ta là bao nhiêu người? + Nước ta có dân số đứng hàng thứ mấy trong các nước ĐNA?	+ bảng số liệu về số dân các nước ĐNA. + Được thống kê năm 20214. + Tính theo triệu người. + 82 triệu người + đứng hàng thứ 3 của ĐNA
+ Em rút ra đặc điểm gì về dân số VN? - GV nêu kết luận. * <u>HĐ2</u>: Gia tăng dân số ở VN: - GV hướng dẫn HS làm việc với biểu đồ. - GV treo biểu đồ dân số VN, yêu cầu HS đọc. GV hỏi: - Đây là biểu đồ gì? có tác dụng gì? Nêu giá trị được biểu hiện ở trục ngang, trục dọc của biểu đồ. - Số ghi trên đầu mỗi cột biểu hiện cho giá trị nào?	+ Nước ta có số dân đông - HS làm việc cá nhân - 1 HS đọc biểu đồ. +Biểu đồ dân số VN... + Số dân của 1 năm.

* HS trao đổi theo cặp: Dựa vào biểu đồ nhận xét: + Cho biết số dân từng năm? + Từ năm 1979 đến năm 1989 dân số nước ta tăng bao nhiêu người? + Từ năm 1989m đến năm 1999, dân số nước ta tăng bao nhiêu người? + ước tính trong vòng 20 năm qua dân số nước ta tăng bao nhiêu người mỗi năm? + Sau 20 năm dân số nước ta tăng bao nhiêu lần? + Em rút ra điều gì về tốc độ gia tăng dân số của nước ta? - GV gọi HS trình bày KQ thảo luận. * HĐ3: Hậu quả của sự gia tăng dân số. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để hoàn thành phiếu bài tập có nội dung về hậu quả của sự tăng dân số. - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn. - Tổ chức cho HS báo cáo KQ thảo luận. - GV nêu về tốc độ tăng dân số của mấy năm gần đây của nước ta.	- HS làm việc theo cặp. 2 em trao đổi, thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu. + 11,7 triệu người + 11,9 triệu người +1 triệu người +1,5 lần + Dân số nước ta tăng nhanh. - HS về vị trí nhóm để thảo luận trong thời gian là 2-3 phút. - Đại diện các nhóm lên trình bày - HS lắng nghe.
--	--

C. <u>Củng cố, dặn dò:</u>(3 phút) - Em biết gì về tình hình tăng dân số ở địa phương mình và tác động của nó đến đời sống nhân dân? - NX tiết học. - Về nhà học thuộc bài và chuẩn bị bài sau: Bài 9	- HS tự liên hệ - HS ghi vở
---	--

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 9

***Tên bài dạy:* CÁC DÂN TỘC, SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ**

I. MỤC TIÊU:

- HS kể được một số dân tộc ít người ở nước ta.
- Nêu được đặc điểm của mật độ dân số nước ta và sự phân bố dân cư ở nước ta.
- Nêu được một số đặc điểm về dân tộc, có ý thức tôn trọng, đoàn kết dân tộc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bảng số liệu về mật độ dân số một số nước châu á và VN.
- Tranh ảnh về một số dân tộc VN.
- Thẻ từ ghi tên các DT Kinh, Chăm, ...

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (4 phút) GV gọi HS lên bảng trả lời các câu hỏi: + Năm 2014 nước ta có bao nhiêu dân? Dân số nước ta đứng hàng thứ mấy ở ĐNA? + Dân số tăng nhanh gây khó khăn gì trong việc nâng cao đời sống nhân dân? - GV nhận xét, cho điểm. B. Dạy bài mới: (33 phút) 1. Giới thiệu bài (1 p) - Hãy nêu những điều em biết về các dân tộc trên đất nước ta? - GV giới thiệu và ghi đầu bài. b. Hướng dẫn: (31 p) HĐ1: 54 dân tộc anh em trên đất nước VN. - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi + Nước ta có bao nhiêu dân tộc? + Dân tộc nào có số dân đông nhất? Sống chủ yếu ở đâu? Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở đâu?	- 2 HS lần lượt lên trả lời các câu hỏi. - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung - 1 HS nêu trước lớp theo hiểu biết của mình. - HS suy nghĩ và trả lời, mỗi HS trả lời 1 câu, các HS khác NX bổ sung. + Nước ta có 54 dân tộc. + DT kinh đông nhất, sống ở đồng bằng. Dân tộc ít người sống ở miền núi. - HS tự nêu

+ Kể tên một số dân tộc ít người và địa bàn sinh sống của họ? + Truyền thuyết Con rồng cháu tiên của nhân dân ta thể hiện điều gì? - GV nhận xét, bổ sung ý kiến cho HS. * Tổ chức HS chơi trò chơi thi giới thiệu về các DT anh em trên đất nước ta. + Chọn 3 HS tham gia chơi. +Phát cho HS 1 số thẻ từ ghi tên các DT ít người trên cả 3 miền. + Yêu cầu lần lượt từng HS lên gắn thẻ từ vào vị trí thích hợp trên bản đồ và giới thiệu về dân tộc đó. <u>HD 2: Mật độ dân số Việt Nam</u> - Em hiểu thế nào về mật độ dân số? - So sánh mật độ dân số nước ta với mật độ DS 1 số nước châu á? - Kết quả so sánh trên chứng tỏ điều gì về mật độ dân số nước ta? - GV nêu kết luận. <u>HD 3: Sự phân bố dân cư ở VN</u> - GV treo lược đồ mật độ DS VN và hỏi: Nêu tên lược đồ và cho biết lược đồ giúp ta nhận xét hiện tượng gì?	- Các dân tộc VN là anh em một nhà. - HS chơi theo hướng dẫn của GV: + 3 HS lần lượt thực hiện bài thi + HS cả lớp làm cổ động viên. - Vài HS nêu ý kiến của mình. - Mật độ DS nước ta gấp gần 6 lần mật độ dân số TG và gấp hơn 3 lần... - Mật độ dân số VN rất cao. - HS tự nêu - HS thảo luận nhóm 2 trong 3 phút. Chú ý HS vừa chỉ lược đồ vừa nêu
---	--

- YC học sinh trao đổi nhóm 2: Chỉ lược đồ và nêu: + Các vùng có mật độ dân số trên 1000. + Những vùng có mật độ dân số từ 501 đến 1000 + Các vùng có mật độ dân số từ 100 đến 500 người. + Vùng có mật độ dân số dưới 100 người. -Yêu cầu HS nhận xét: + Dân cư nước ta tập trung đông ở vùng nào? Vùng nào dân cư thưa thớt? + Việc dân cư đông đúc ở vùng đồng bằng, vùng ven biển gây ra sức ép gì cho dân cư các vùng này? + Việc dân cư sống thưa thớt ở vùng núi gây khó khăn gì cho việc phát triển kinh tế vùng này? + Để khắc phục tình trạng mất cân đối giữa các vùng, nhà nước ta đã làm gì? - Gv yêu cầu HS phát biểu ý kiến. GV theo dõi, nhận xét cho mỗi em. C. <u>Củng cố, dặn dò</u> (3 phút)	- Đồng bằng Bắc bộ, Nam bộ, một số vùng ven biển miền Trung. - Trung du, cao nguyên - Vùng núi - Dân cư nước ta tập trung đông ở đồng bằng, các đô thị lớn, thưa thớt ở vùng núi, nông thôn - Thiếu việc làm. - Thiếu lao động, phát triển kinh tế của vùng này kém. - Tạo việc làm tại chỗ. Xây dựng vùng kinh tế mới. - HS vẽ mũi tên vào sơ đồ.
---	--

- YC HS làm bài tập đánh mũi tên vào sơ đồ (STK trang 63) - Gọi HS trình bày kết quả bài làm - GV nhận xét tiết học - Dẫn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài	- 1 HS lên bảng làm bài - HS ghi bài
--	---

Thứ ngày tháng năm

2021

Môn: Địa lý

Tiết: 10

Tên bài dạy: NÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU:

- HS nêu được vùng phân bố của một số loại cây trồng, vật nuôi chính ở nước ta trên lược đồ nông nghiệp VN.

- Nêu được vai trò của ngành trồng trọt.
- Nêu được đặc điểm của cây trồng nước ta.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Lược đồ nông nghiệp VN.
- Phiếu học tập của HS.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ</u>: (4 phút) Gọi HS lên bảng yêu cầu trả lời câu hỏi:	

+ Nước ta có bao nhiêu dân tộc, dân tộc nào có số dân đông nhất + Nêu đặc điểm về sự phân bố dân cư của VN? - GV nhận xét và cho điểm HS. B. Dạy bài mới: 1. Giới thiệu bài: GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. Hướng dẫn: (31 p) a) Ngành trồng trọt: * HD1: Vai trò của ngành trồng trọt. - GV treo lược đồ nông nghiệp VN, yêu cầu HS nêu tên, tác dụng của lược đồ. - Yêu cầu HS làm việc cá nhân: + Nhìn trên lược đồ em thấy số kí hiệu của cây trồng nhiều hơn hay số kí hiệu con vật nhiều hơn? + Từ đó em rút ra điều gì về vai trò của ngành trồng trọt trong sản xuất nông nghiệp? - GV nêu kết luận chốt ý. * HD 2: Đặc điểm của cây trồng VN- Giá trị của lúa gạo và các cây công nghiệp lâu năm.	- 2 HS lên bảng trả lời câu hỏi. - Hs khác nhận xét, bổ sung - HS ghi đầu bài vào vở - HS quan sát lược đồ và trả lời. - Kí hiệu cây trồng nhiều hơn vật nuôi. - Ngành trồng trọt giữ vai trò quan trọng trong sx nông nghiệp.
---	--

<u>Bước 1:</u> Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 (3-4 phút): Quan sát lược đồ và thảo luận để hoàn thành phiếu bài tập sau: - Kể tên các loại cây trồng chủ yếu ở VN? Cây trồng nhiều nhất là cây gì? - Điền mũi tên vào sơ đồ thể hiện tác động của khí hậu đến trồng trọt. - Gv mời đại diện nhóm lên trình bày. <u>Bước 2:</u> YC HS quan sát hình 1, trao đổi cả lớp: + Loại cây nào được trồng chủ yếu ở vùng đồng bằng? + Em biết gì về tình hình sản xuất lúa gạo ở nước ta? + Vì sao nước ta trồng nhiều cây lúa gạo nhất và trở thành nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới? + Loại cây nào được trồng chủ yếu ở vùng núi và cao nguyên? + Em biết gì về giá trị xuất khẩu của những loại cây này? + Với những loại cây có thể mạnh như trên, ngành trồng trọt giữ vai trò thế nào trong sản xuất nông nghiệp của nước ta?	- HS hoạt động nhóm: quan sát lược đồ và trao đổi. - Lúa gạo, cây ăn quả, cà phê, chè, ... Lúa được trồng nhiều nhất. - HS tự điền. - Đại diện 3 nhóm lên trình bày. - HS quan sát hình và trả lời - Cây lúa - HS tự nêu - Có các đồng bằng lớn, đất phù sa màu mỡ, nguồn nước dồi dào, người dân có kinh nghiệm,... - Chè, cà phê, cao su... - Có giá trị xuất khẩu cao. - Ngành trồng trọt đóng góp giá trị sản xuất nông nghiệp.
---	---

* <u>HD3</u>: Sự phân bố cây trồng ở nước ta. - YC HS làm việc theo cặp: Quan sát lược đồ nông nghiệp và trình bày sự phân bố các loại cây trồng của VN. (Nêu tên và chỉ vùng phân bố, giải thích lí do vì sao cây được trồng nhiều ở đó) b) <u>Ngành chăn nuôi</u>: * <u>HD4</u>: Tổ chức cho HS làm việc cá nhân. - Kể tên một số vật nuôi ở nước ta? - Trâu, bò, lợn chủ yếu được nuôi ở vùng nào? - Những điều kiện nào giúp cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định? GV gọi HS trình bày. - GV chốt ý chính theo sơ đồ (STK- 70) C. <u>Củng cố, dặn dò</u> (3 phút) - Tổ chức cho HS chơi trò chơi: Thi ghép kí hiệu các cây trồng, vật nuôi vào lược đồ. - GV tổng kết tiết học. - Dặn HS học bài và chuẩn bị bài sau: Lâm nghiệp và thủy sản.	- HS cùng quan sát lược đồ và tập trình bày. - Trâu, bò, gà, lợn... - Nuôi nhiều ở các vùng đồng bằng - Thức ăn chăn nuôi đảm bảo, nhu cầu của người dân ngày càng cao. - HS theo dõi, lắng nghe. - HS tham gia chơi theo HD của GV. - HS lắng nghe
--	--

--	--

Thứ ngày tháng năm

2021

Môn: Địa lý

Tiết: 11

***Tên bài dạy:* LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN**

I. MỤC TIÊU:

- HS biết dựa vào sơ đồ biểu đồ để tìm hiểu về ngành lâm nghiệp, thủy sản của nước ta.
- Nêu được tình hình phát triển và phân bố của lâm nghiệp, thủy sản.
- Thấy được sự cần thiết phải bảo vệ và trồng rừng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Tranh ảnh về trồng và bảo vệ rừng, khai thác và nuôi trồng thủy sản.
- Bản đồ kinh tế VN.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (4 phút) - Kể tên một số loại cây trồng ở nước ta? - Vì sao nước ta trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ 2 trên thế giới?	- 3 HS lần lượt lên bảng trả lời câu hỏi - Cả lớp theo dõi, nhận xét.

- Những điều kiện nào giúp cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định? B. Bài mới: <u>1. Giới thiệu bài:</u> (1 p) + Rừng và biển có vai trò thế nào trong đời sống và sản xuất của nhân dân ta? - GV giới thiệu và ghi đầu bài. <u>2. Hướng dẫn:</u> (31 p) <u>HD 1: Các hoạt động của lâm nghiệp.</u> - GV treo sơ đồ các hoạt động của lâm nghiệp, yêu cầu HS dựa vào sơ đồ nêu các hoạt động chính của lâm nghiệp. - Nêu các hoạt động của trồng và bảo vệ rừng? - Việc khai thác gỗ và các lâm sản khác phải chú ý điều gì? - GV nêu kết luận. <u>HD2: Sự thay đổi về diện tích của rừng nước ta.</u> - GV treo bảng số liệu về diện tích rừng. Yêu cầu HS trao đổi theo cặp : Phân tích và thảo luận trả lời các câu hỏi sau: + Bảng thống kê diện tích rừng nước ta vào những năm nào?	- Một số HS nêu ý kiến. - HS nghi đầu bài - Lâm nghiệp có 2 hoạt động chính là trồng và bảo vệ rừng; Khai thác gỗ và các lâm sản khác. - ươm cây, chăm sóc cây, ngăn chặn các hoạt động phá hoại rừng. - Hợp lý, tiết kiệm - HS lắng nghe - HS đọc bảng số liệu, thảo luận nhóm 2 để trả lời : - Năm 1980, 1995. 20214.
--	---

+ Nêu diện tích rừng của những năm đó? + từ năm 1980 đến năm 1995 diện tích rừng nước ta tăng hay giảm bao nhiêu triệu ha? Theo em nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng đó? + Từ năm 1995 đến năm 2021, diện tích rừng của nước ta thay đổi như thế nào? Nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi đó? + Các hoạt động trồng rừng, khai thác rừng diễn ra chủ yếu ở vùng nào? + Điều này gây khó khăn gì cho công tác bảo vệ và trồng rừng? - GV nêu kết luận.	- 10,6 triệu ha; 9,3 triệu ha; 12,2 triệu ha. - Giảm đi 1,3 triệu ha do khai thác rừng bừa bãi, việc trồng và bảo vệ rừng chưa được chú ý. - Tăng thêm 2,9 triệu ha do công tác trồng rừng và bảo vệ rừng được nhà nước và nhân dân thực hiện tốt. - Vùng núi và ven biển. - Nhân công thiếu; khó phát hiện việc trộm gỗ và lâm sản.
<u>HĐ 3: Ngành khai thác thủy sản.</u> - GV treo biểu đồ sản lượng thủy sản và hỏi: + Biểu đồ biểu diễn điều gì? + Trục ngang thể hiện điều gì, trục dọc thể hiện điều gì? Tính theo đơn vị gì? + Các cột màu đỏ thể hiện điều gì, các cột màu xanh thể hiện điều gì?	- HS đọc tên biểu đồ và nêu - Sản lượng thủy sản - Thời gian và lượng thủy sản; tính theo đơn vị nghìn tấn - Sản lượng thủy sản khai thác được. - Sản lượng thủy sản nuôi trồng được.

* HD học sinh thảo luận nhóm 4 (3p) - GV phát phiếu cho các nhóm: Phân tích lược đồ để hoàn thành bài tập. (Nội dung phiếu như STK trang 76) - GV cho HS trình bày ý kiến. - Yêu cầu HS dựa vào nội dung phiếu trình bày đặc điểm của ngành thủy sản. - GV nêu kết luận. C. <u>Củng cố, dặn dò</u> (3 phút) - Chúng ta cần làm gì để bảo vệ các loài thủy, hải sản? - GV nhận xét tiết học - Dặn HS chuẩn bị bài sau: Công nghiệp.	- Các nhóm trao đổi hoàn thành phiếu bài tập. - Cử đại diện nhóm trình bày ý kiến. - HS lắng nghe. - HS tự trả lời - HS ghi đầu bài.
--	--

Thứ ngày tháng năm

2021

Môn: Địa lý

Tiết: 12

Tên bài dạy: CÔNG NGHIỆP

I. MỤC TIÊU:

- Nêu được vai trò của công nghiệp và thủ công nghiệp.
- HS biết nước ta có nhiều ngành công nghiệp và thủ công nghiệp, kể tên sản phẩm của một số ngành.
- Kể tên và xác định trên bản đồ một số địa phương có các mặt hàng thủ CN

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ hành chính Việt Nam.
- Tranh ảnh sưu tầm về các ngành CN và thủ CN nước ta.
- Phiếu học tập của HS.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (3 phút) - Gọi HS trả lời câu hỏi: + Ngành lâm nghiệp có những hoạt động gì? Được phân bố chủ yếu ở đâu? + Nước ta có những điều kiện nào để phát triển ngành thuỷ sản? - GV nhận xét, cho điểm từng HS.	- 2 HS lên bảng trả lời. - Cả lớp nhận xét, bổ sung.

B. <u>Dạy bài mới:</u> (35 phút) 1. <u>Giới thiệu bài:</u> GV giới thiệu và ghi đầu bài. 2. <u>Hoạt động 1:</u> Một số ngành CN và sản phẩm của chúng. - YC học sinh cả lớp báo cáo KQ sưu tầm tranh ảnh liên quan đến các ngành CN. - GV theo dõi và ghi lên bảng phụ bảng thống kê về các ngành CN và sản phẩm của chúng. - GV nhận xét kết quả sưu tầm của HS. - Ngành CN giúp gì cho đời sống của nhân dân ta? - GV kết luận: Nước ta có nhiều ngành CN, tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị xuất khẩu. 3. <u>Hoạt động 2:</u> Trò chơi “ đối đáp vòng tròn” - Gv chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm chọn 1 HS làm giám khảo. - GV nêu cách chơi: Lần lượt mỗi đội đưa ra câu hỏi cho đội bạn trả lời theo	- HS ghi bài - Các tổ cử đại diện báo cáo KQ sưu tầm: giới hình, nêu tên hình, nói tên các sản phẩm của ngành đó. - HS theo dõi GV nhận xét. - Một số HS nêu ý kiến. - HS lắng nghe. - HS chia thành các nhóm chơi - HS chơi theo hướng dẫn của GV.
--	---

vòng tròn, đội 1 đối đội 2, đội 2 đối đội 3, đội 3 đối đội 4. Khi kết thúc cuộc thi, đội nào nhiều điểm đội đó thắng. - Gv tổng kết cuộc thi, tuyên dương đội thắng cuộc. 4. <u>Hoạt động 3:</u> Một số nghề thủ công ở nước ta. - Gv tổ chức cho HS làm việc theo nhóm trưng bày kết quả sưu tầm tranh ảnh về hoạt động sản xuất của nghề thủ công. - GV nhận xét KQ sưu tầm của HS. - GV hỏi: Địa phương ta có nghề thủ công nào? 5. <u>Hoạt động 4:</u> Vai trò và đặc điểm của nghề thủ công ở nước ta. + Em hãy nêu đặc điểm của nghề thủ công ở nước ta? + Nghề thủ công có vai trò gì đối với đời sống nhân dân ta?	VD:+ Ngành khai thác khoáng sản nước ta khai thác được loại khoáng sản nào nhiều nhất? + Kể một số sản phẩm của ngành luyện kim? + Cá hộp, thịt hộp ...là sản phẩm của ngành nào. - HS làm việc theo nhóm: trưng bày và giới thiệu tranh ảnh mà nhóm mình sưu tầm được. - HS lắng nghe. - HS tự liên hệ. - Có nhiều nghề và nổi tiếng....dựa vào truyền thống và sự khéo léo của người thợ. - Tạo công ăn việc làm cho người lao động, tận dụng nguyên vật liệu,... - HS lắng nghe.
---	--

- GV kết luận: <i>Nước ta có nhiều nghề thủ công nổi tiếng, các sản phẩm thủ công có giá trị xuất khẩu cao, nghề thủ công tạo nhiều việc làm cho nhân dân, tận dụng nguồn nguyên liệu rẻ tiền trong nước.</i> C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (2 phút) - GV nhận xét tiết học - Dặn dò HS học bài và chuẩn bị bài sau Công nghiệp (tiếp theo)	- HS ghi bài.
---	----------------------

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 13

***Tên bài dạy:* CÔNG NGHIỆP**

I. MỤC TIÊU:

- HS chỉ lược đồ và nêu sự phân bố của một số ngành công nghiệp của nước ta.
- Nêu được tình hình phân bố của một số ngành công nghiệp.
- Xác định được trên bản đồ vị trí các trung tâm CN lớn ở nước ta.
- Biết một số điều kiện để hình thành khu CN thành phố HCM.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ kinh tế VN.
- Lược đồ công nghiệp VN
- Các miềng bìa cắt kí hiệu của các ngành CN, nhà máy nhiệt điện.
- Phiếu học tập của HS.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> (3 phút) Gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi: + Kể tên một số ngành công nghiệp của nước ta? Và sản phẩm của các ngành đó? + Nêu đặc điểm của nghề thủ công của nước ta? - GV nhận xét, cho điểm từng HS. B. <u>Bài mới:</u> (35 phút)	- 2 HS lên bảng trả lời, cả lớp theo dõi, nhận xét. - HS ghi tên bài

1. <u>Giới thiệu bài:</u> GV giới thiệu và ghi đầu bài. 2. <u>Hoạt động 1:</u> Sự phân bố của một số ngành công nghiệp. - Yêu cầu HS quan sát hình 3 SGK, nêu tên, tác dụng của lược đồ. + Tìm những nơi có các ngành công nghiệp khai thác than, dầu mỏ, a- pa- tit, công nghiệp nhiệt điện, thủy điện? - Tổ chức cuộc thi ghép kí hiệu vào lược đồ. + GV chọn 2 đội chơi, mỗi đội 5 em đứng xếp thành 2 hàng dọc. + GV treo 2 lược đồ CN VN không có kí hiệu các khu VN, nhà máy. + Phát kí hiệu của các ngành CN cho 2 đội chơi. + Các em trong đội tiếp nối nhau dán các kí hiệu vào lược đồ cho đúng, đội nào dán được nhiều và đúng đội đó thắng. - GV hỏi 1 số em: Em làm thế nào mà dán đúng kí hiệu. - GV nhận xét cuộc thi, tuyên bố đội thắng.	- HS tự nêu - HS làm việc cá nhân - HS lên bảng chuẩn bị chơi và nhận đồ dùng. - Mỗi em nhận 1 kí hiệu - HS tự nêu: Nhớ vị trí, nhớ tên,
--	--

3. Hoạt động 2:

Sự tác động của tài nguyên, dân số đến sự phân bố của một số ngành CN.

- Yêu cầu HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập sau: Nối mỗi ý ở cột A với một ý ở cột B cho phù hợp. (STK tr 88)

(GV phát phiếu bài tập cho HS)

- Cho HS trình bày kết quả bài làm.

- Dựa vào KQ, trình bày sự phân bố của các ngành CN khai thác than, dầu khí, nhiệt điện, thủy điện, cơ khí, dệt may, thực phẩm

4. Hoạt động 3:

Các trung tâm công nghiệp lớn của nước ta.

- Yêu cầu HS làm việc theo nhóm hoàn thành bài tập theo phiếu trang 89- STK.

- YC HS thảo luận nhóm 4 (4 p)

- GV gọi 1-2 nhóm dán phiếu của nhóm mình lên bảng và trình bày KQ.

- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm.

- GV giảng thêm về trung tâm CN thành phố HCM.

- HS nêu yêu cầu BT

- HS tự làm bài

- Vài HS nêu kết quả bài làm của mình, các HS khác nhận xét.

-1 HS trình bày.

- HS làm việc theo nhóm.

- 1 nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác theo dõi và bổ sung ý kiến.

- HS lắng nghe

C. <u>Củng cố, dặn dò:</u> (2 phút) - Gv tổng kết giờ học, tuyên dương các HS tích cực xây dựng bài. - Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau: Giao thông vận tải.	- HS lắng nghe - HS ghi bài.
--	---

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 14

Tên bài dạy: GIAO THÔNG VẬN TẢI

I. MỤC TIÊU:

- Hs nêu được các loại hình và phương tiện giao thông của nước ta.

- Nêu được một vài đặc điểm về phân bố mạng lưới giao thông của nước ta.
- Xác định được trên bản đồ giao thông VN một số tuyến đường giao thông, sân bay quốc tế, cảng lớn.
- Có ý thức bảo vệ các đường giao thông và chấp hành luật giao thông khi đi đường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ giao thông VN
- Tranh ảnh về các loại hình và phương tiện giao thông.
- Phiếu học tập của HS.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> (4 phút) GV gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi: + Các ngành công nghiệp khai thác than, dầu, a-pa-tít có ở những đâu? + Kể tên những nhà máy thủy điện, nhiệt điện lớn ở nước ta? - GV nhận xét và cho điểm từng HS. B. <u>Bài mới:</u> (33 phút) 1. <u>Giới thiệu bài:</u> GV giới thiệu và ghi đầu bài. 2. <u>Hoạt động 1:</u> Các loại hình và các phương tiện giao thông vận tải.	- 2 HS lên bảng trả lời. - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. - HS ghi vở

+ Qua khối lượng hàng hoá vận chuyển được của mỗi loại hình, em thấy loại hình nào giữ vai trò quan trọng nhất? + Theo em vì sao ô tô lại vận chuyển được nhiều hàng hoá nhất? - GV nêu kết luận. 4. <u>Hoạt động 3:</u> Phân bố một số loại hình giao thông ở nước ta. - GV treo lược đồ giao thông vận tải. - YC học sinh làm việc theo nhóm 4 để nhận xét về sự phân bố các loại hình giao thông của nước ta. - Gọi HS trình bày kết hợp chỉ lược đồ. - GV nhận xét sửa cho HS. 5. <u>Hoạt động 4:</u> Trò chơi: Thi chỉ đường. - GV tổ chức cho HS thi chỉ đường: + Treo lược đồ giao thông vận tải, yêu cầu HS cả lớp quan sát để nhớ xem mỗi con đường bắt đầu từ đâu, đến đâu, đi qua những điểm giao thông nào? + Chọn 3 HS bốc thăm thứ tự thi + Chọn 3 em làm ban giám khảo. C. <u>Củng cố, dặn dò:</u> (3 phút)	- Vì ô tô có thể đi lại trên mọi địa hình. - HS làm việc theo nhóm - Đại diện 2 nhóm lên trình bày. - HS lắng nghe GV hướng dẫn - HS tham gia thi trả lời các câu hỏi của các bạn dưới lớp. - 2 em đọc
---	--

- Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ SGK. - Loại hình vận tải nào có vai trò quan trọng nhất trong vận chuyển hàng hoá? - GV nhận xét tiết học - Dặn dò chuẩn bị bài sau: Thương mại và du lịch.	- HS tự trả lời - HS ghi bài.
--	--

Thứ ngày tháng năm

2021

Môn: Địa lý

Tiết: 15

***Tên bài dạy:* THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

I. MỤC TIÊU:

- HS biết được sơ lược về các khái niệm: thương mại, nội thương, ngoại thương; thấy được vai trò của ngành thương mại trong đời sống và sản xuất.
- Nêu được tên các mặt hàng xuất, nhập khẩu chủ yếu của nước ta.
- Nêu được các điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch ở nước ta.

- Xác định được trên bản đồ các trung tâm thương mại lớn và các trung tâm du lịch lớn của nước ta.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ hành chính VN.
- Một số tranh ảnh về các chợ lớn, trung tâm thương mại và về ngành du lịch.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> (5 phút) + Nước ta có những loại hình giao thông nào? + Dựa vào hình 2 và bản đồ hành chính VN cho biết tuyến đường sắt Bắc- Nam và quốc lộ 1A đi từ đâu đến đâu. Kể tên một số thành phố mà đường sắt Bắc- Nam và quốc lộ 1A đi qua? + Chỉ và nêu tên các sân bay quốc tế và cảng biển lớn của nước ta? B. <u>Bài mới:</u> (32 phút) 1. <u>Giới thiệu bài:</u> GV treo tranh ảnh các trung tâm thương mại lớn, các siêu thị, các khu du lịch giới thiệu bài và ghi đầu bài. 2. <u>Hoạt động 1:</u> Hoạt động thương mại	- 3 HS lên bảng trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung. - HS theo dõi, ghi đầu bài. - HS làm việc cả lớp

- Yêu cầu HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết để trả lời câu hỏi: + Thương mại gồm những hoạt động nào? + Phân biệt nội thương và ngoại thương? + Vậy em hiểu thế nào là hoạt động thương mại? + Những địa phương nào có hoạt động thương mại phát triển nhất cả nước. Hãy chỉ trên bản đồ những địa phương đó? + Nêu vai trò của ngành thương mại? 3. <u>Hoạt động 2:</u> - Yc HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết thảo luận nhóm theo câu hỏi sau: Kể tên các mặt hàng xuất nhập khẩu chủ yếu của nước ta? - Yêu cầu HS trình bày KQ thảo luận - GV nhận xét và chốt lại. 4. <u>Hoạt động 3:</u> Ngành du lịch - GV treo bản đồ hành chính VN. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm theo các câu hỏi sau:	- Gồm hđ nội thương và ngoại thương. - Nội thương: buôn bán trong nước; ngoại thương: buôn bán với nước ngoài. - Thực hiện việc mua bán và trao đổi hàng hoá. - Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. - Là cầu nối giữa SX và tiêu dùng. - Hoạt động nhóm 4 - HS thảo luận - HS trình bày kết quả thảo luận. * Hoạt động nhóm 4 - HS thảo luận - HS trình bày kết quả
--	---

+ Kể tên và chỉ trên bản đồ các trung tâm du lịch lớn của nước ta? + Nêu một số những điều kiện để phát triển du lịch ở nước ta? + Cho biết vì sao mấy năm gần đây lượng khách du lịch của nước ta tăng lên. - Yêu cầu HS trình bày KQ thảo luận. - YC HS nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét và chốt lại. 5. <u>Hoạt động 4:</u> - Tổ chức cho HS chơi trò chơi: “ <i>Em tập làm hướng dẫn viên du lịch</i>” - Yêu cầu HS trưng bày tranh ảnh về phong cảnh, lễ hội, di tích lịch sử,... các hoạt động du lịch mà các em đã sưu tầm - Yêu cầu một HS đóng vai hướng dẫn viên và một số HS làm khách du lịch. - Hướng dẫn viên sẽ chọn và giới thiệu cho khách về một cảnh đẹp hay một địa điểm du lịch. C. <u>Củng cố, dặn dò:</u> (3 phút) - Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ. - Nêu vai trò của ngành thương mại.	- Có nhiều phong cảnh đẹp, bãi tắm tốt, di tích lịch sử, một số di sản thế giới,... - Vì đời sống được nâng cao, các dịch vụ du lịch được trú trọng. * HS chơi trò chơi Thay đổi một số HS đóng vai hướng dẫn viên. - Một HS đọc - HS ghi vở
--	---

- Kể tên và chỉ trên bản đồ những trung tâm du lịch lớn của nước ta. - GV nhận xét giờ học và dặn dò HS chuẩn bị bài sau: Ôn tập.	
--	--

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 16

***Tên bài dạy:* ÔN TẬP**

I. MỤC TIÊU:

- HS biết hệ thống hoá được các kiến thức đã học về dân cư, các ngành kinh tế ở nước ta ở mức độ đơn giản.
- Xác định được trên bản đồ một số thành phố, trung tâm công nghiệp, hải cảng lớn của nước ta.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Các bản đồ; Phân bố dân số, Kinh tế VN.
- Phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
-------------------------------	------------------------------

A. Kiểm tra bài cũ: (4phút)

- + Thương mại gồm những hoạt động nào? Thương mại có vai trò gì?
- + Nước ta nhập khẩu những mặt hàng gì là chủ yếu?
- + Nêu những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành du lịch?

B. Bài mới: (32 phút)

1. Giới thiệu bài:

GV giới thiệu và ghi đầu bài.

2. Hoạt động 1:

- Yêu cầu HS làm phiếu bài tập sau:
- Nội dung phiếu:

Bài 1: Điền từ ngữ hoặc số thích hợp vào chỗ trống để được những kết luận đúng.

- Nước ta có.....dân tộc.
- Dân tộc.....có số dân đông nhất. Họ sống chủ yếu ở.....Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở.....

Bài 2: *Hãy điền đúng (Đ), sai (S) vào ô trống trước mỗi dòng dưới đây để biết dòng nào là đúng, dòng nào là sai.*

- ☐ Dân cư nước ta tập trung đông đúc ở
☐ền núi và cao nguyên.

- 3 HS lần lượt lên bảng trả lời.
- Cả lớp theo dõi, nhận xét.

- HS ghi tên bài

- HS làm phiếu học tập.

Chỉ khoảng 1/4 dân số nước ta sống ở nông thôn, vì đa số dân cư nước ta làm nông nghiệp. ☐ Vì có khí hậu nhiệt đới nên nước ta trồng được nhiều cây xứ nóng; lúa gạo là loại cây được trồng nhiều nhất. ☐ ở nước ta, trâu bò nuôi nhiều ở miền núi và trung du, lợn và gia cầm được nuôi nhiều ở đồng bằng. ☐ Nước ta có nhiều ngành công nghiệp ☐ thủ công nghiệp. Đường sắt có vai trò quan trọng nhất trong việc vận chuyển hàng hoá và hành khách ở nước ta. - Yêu cầu HS chữa phiếu học tập. - Yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. - Gọi HS chỉ trên bản đồ Phân bố dân cư vùng dân tộc Kinh và các dân tộc ít người. 3. <u>Hoạt động 2:</u> - GV treo bản đồ kinh tế VN. - Yêu cầu HS quan sát bản đồ để trả lời các câu hỏi sau:	— - HS lên bảng chỉ bản đồ. - HS quan sát bản đồ và trả lời câu hỏi. - Thành phố HCM và Hà Nội. - Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố HCM. - HS chỉ trên bản đồ VN. - 2 HS lần lượt đọc - HS ghi bài
---	--

+ Những thành phố nào vừa là trung tâm công nghiệp lớn vừa là nơi có hoạt động thương mại phát triển nhất cả nước?

+ Những thành phố nào có cảng biển lớn nhất nước ta?

+ Tìm và chỉ trên bản đồ VN đường sắt Bắc- Nam, quốc lộ 1A.

C. Củng cố, dặn dò: (3 phút)

- Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ.

- GV nhận xét tiết học.

- Dặn HS chuẩn bị bài sau

Thứ ngày tháng năm

2021

Môn: Địa lý

Tiết: 19

Tên bài dạy: CHÂU Á

I. MỤC TIÊU: Sau bài học HS có thể:

- nêu được tên các châu lục và đại dương.
- Nhận biết được độ lớn và sự đa dạng của thiên nhiên châu á.
- đọc được tên các dãy núi cao và đồng bằng châu á.
- nêu tên được một số cảnh thiên nhiên châu Á và nêu được chúng thuộc vùng nào của châu Á.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Quả địa cầu, bản đồ tự nhiên châu Á.
- Các hình minh hoạ SGK, phiếu học tập của HS.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ</u>: Không có. B. <u>Dạy bài mới</u>: (35 p) 1. <u>Giới thiệu bài</u>: (1 p) GV giới thiệu và ghi đầu bài. 2. <u>Hoạt động 1</u>: Các châu lục và các đại dương trên thế giới. Châu á là 1 trong 6 châu lục của thế giới. (7 p)	- HS ghi đầu bài. - HS nối tiếp nhau trả lời.

+ Hãy kể tên các châu lục, các đại dương trên thế giới mà em biết? GV ghi bảng. - Chúng ta sẽ tìm vị trí của từng châu lục trên quả địa cầu. - Yêu cầu HS quan sát hình 1- SGK để tìm vị trí các châu lục trên thế giới. - Gọi HS lên bảng chỉ trên quả địa cầu. - GV nêu: Trái đất chúng ta có 6 châu lục và 4 đại dương. Châu Á là một trong 6 châu lục của trái đất. 3. <u>Hoạt động 2</u>: Vị trí địa lí và giới hạn của châu á.(10 p) - GV giao phiếu cho HS, yêu cầu HS làm việc theo cặp. - Yêu cầu HS quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi trong phiếu: + Chỉ vị trí của châu Á trên lược đồ và cho biết châu Á gồm những phần nào? + Các phía của châu Á tiếp giáp với những châu lục và đại dương nào? + Châu Á nằm ở bán cầu Bắc hay bán cầu Nam, trải từ vùng nào đến vùng nào trên trái đất?	- HS làm việc theo cặp, 2 HS ngồi cạnh nhau vừa nêu tên châu lục, đại dương vừa chỉ vị trí tương ứng trên lược đồ. - 3 HS lần lượt lên chỉ theo yêu cầu. HS dưới lớp theo dõi, nhận xét. - Lắng nghe. - HS đọc thầm các câu hỏi, quan sát lược đồ, trao đổi, trả lời từng câu hỏi. - Chỉ theo đường bao quanh châu Á, gồm 2 phần: lục địa và các đảo. - vừa chỉ vừa nêu. - Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, trải dài từ vùng cực Bắc đến quá xích đạo.
---	--

+ Châu Á chịu ảnh hưởng của các đới khí hậu nào? - Mời 1 HS lên điều khiển các bạn báo cáo kết quả thảo luận. - GV theo dõi, hỏi thêm, giảng thêm khi cần thiết. - Nêu KL: Châu Á nằm ở bán cầu Bắc, có 3 phía giáp biển và đại dương. 4. <u>Hoạt động 3</u>: Diện tích và dân số(7p) - Treo bảng số liệu về diện tích và dân số các châu lục. - Gọi HS đọc bảng số liệu và hỏi: Em hiểu chú ý 1 và 2 trong bảng như thế nào - GV giải thích thêm. - Dựa vào bảng số liệu, hãy so sánh diện tích của châu Á với diện tích các châu lục khác? - GV kết luận: Trong 6 châu lục thì châu Á có diện tích lớn nhất. 5. <u>Hoạt động 4</u>: Các khu vực của châu Á và nét đặc trưng của mỗi khu vực(7)	- Châu Á chịu ảnh hưởng của 3 đới KH là: hàn đới, ôn đới và nhiệt đới. - 1 HS lên điều khiển thảo luận. - HS ghi vở. - 1 HS đọc bảng số liệu. - HS nêu theo ý hiểu của mình. - DT châu Á lớn nhất trong 6 châu lục. Gấp 5 lần châu Đại Dương, hơn 4 lần châu Âu, hơn 3 lần châu nam Cực. - Ghi vở. - Quan sát lược đồ và nêu.
---	--

- GV treo lược đồ các khu vực châu Á. Yêu cầu HS làm việc theo nhóm hoàn thành bài phiếu bài tập (T 113- STKê) - Mời 1 nhóm dán phiếu của nhóm mình lên bảng và trình bày.các nhóm khác theo dõi. - Gọi HS nhận xét, GV kết luận: Núi và cao nguyên chiếm 3/4 diện tích,... 6. <u>Hoạt động 5:</u>Các cảnh đẹp (4p) - Yêu cầu HS dựa vào các hình a, b, c, d, e và hình 2 SGK, mô tả về đẹp một số cảnh thiên nhiên của châu Á. - Chọn 5 HS tham gia cuộc thi, mỗi HS mô tả 1 hình. - GV tổng kết cuộc thi, chốt kiến thức. C. <u>Củng cố, dặn dò:</u> (3 p) - Gọi HS nêu lại các đặc điểm về vị trí, giới hạn của khu vực châu Á. - Nhận xét tiết học. - Dặn HS về học bài và chuẩn bị bài sau.	- HS thảo luận nhóm 4 để hoàn thành phiếu bài tập. Một nhóm làm vào giấy khổ to. - 1 nhóm lên trình bày. HS cả lớp theo dõi, nhận xét. - HS ghi vở. - HS tự chọn 1 hình xung phong lên mô tả trước lớp. - 5 HS lần lượt mô tả, các HS khác nhận xét và bình chọn. - HS lắng nghe. - Một số HS nêu theo yêu cầu của GV. - Lắng nghe.
--	---

Thứ ngày tháng năm 2021

Môn: Địa lý

Tiết: 20

Tên bài dạy: CHÂU Á (Tiếp)

I. MỤC TIÊU:

- Nêu được đặc điểm về dân cư, tên một số hoạt động kinh tế của người dân châu á và ích lợi của các hoạt động này.
- Dựa vào lược đồ, nhận biết được sự phân bố một số hoạt động sản xuất của người dân châu á.
- Kể tên các nước ĐNA, nêu được đặc điểm khí hậu nhiệt đới gió mùa của ĐNA.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ các nước châu á, bản đồ tự nhiên châu á.
- Các hình minh họa trong SGK. Phiếu học tập của HS.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ</u>: Gọi HS lên bảng(5’ + dựa vào quả địa cầu, em hãy cho biết vị trí, giới hạn của châu á? +Em hãy kể tên một số cảnh đẹp của châu á và cho biết cảnh đó thuộc khu vực nào của châu á? + Nêu tên các dãy núi lớn và các đồng bằng lớn của châu á. Vùng nào là vùng cao nhất châu á? B. <u>Dạy bài mới</u>: (33 p) 1. <u>Giới thiệu bài</u>: GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. (1p) 2. <u>Hoạt động 1</u>: Dân số châu á.	- 3 HS lên bảng lần lượt trả lời các câu hỏi. - HS ghi vở.

- GV treo bảng số liệu về diện tích và dân số các châu lục (T103), yêu cầu HS đọc bảng đó. GV nêu câu hỏi: + So sánh dân số châu á với các châu lục khác? + Em hãy so sánh mật độ dân số châu á với mật độ dân số châu Phi? + Với tình hình dân số như vậy, ở châu á cần làm gì để nâng cao chất lượng cuộc sống. - GV kết luận, chốt kiến thức. 3. <u>Hoạt động 2</u>: Các dân tộc ở châu á. - Yêu cầu HS quan sát hình 4 trang 104, hỏi: + Người dân châu á có màu da như thế nào? + Em có biết vì sao người Bắc á có nước da sáng còn người nam á lại có nước da sẫm màu? + Các dân tộc châu á có cách ăn mặc và phong tục tập quán như thế nào? + Em có biết dân cư châu á tập trung nhiều ở vùng nào. - GV kết luận, ghi bảng ý chính.	- HS đọc bảng số liệu. - HS làm việc cá nhân, tự so sánh và trả lời các câu hỏi. + Châu á có số dân đông nhất thế giới... + Mật độ dân số châu Phi thưa hơn châu á. + Phải giảm sự gia tăng dân số. - HS ghi ý chính vào vở. - HS quan sát và trả lời các câu hỏi. + Chủ yếu là người da vàng. + Vì lãnh thổ châu Á rộng, trải trên nhiều đới khí hậu khác nhau... + Các dân tộc có cách ăn mặc và phong tục khác nhau. + Các đồng bằng châu thổ màu mỡ.
---	--

4. <u>Hoạt động 3:</u> Hoạt động kinh tế của người dân châu á. - GV treo lược đồ kinh tế châu á. - Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm4: cùng xem lược đồ, thảo luận để hoàn thành bảng thống kê về các ngành kinh tế, quốc gia có ngành đó và lợi ích KT mà ngành đó mang lại. - Gv phát phiếu cho các nhóm, yêu cầu các nhóm hoàn thành bài. - Gọi 1 nhóm lên trình bày kết quả. - Giúp HS phân tích kết quả : + Nông nghiệp hay công nghiệp là ngành sản xuất chính của ng dân châu á. + Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của người dân châu á là gì? ngoài ra còn có những sản phẩm nào khác? + Dân cư các vùng ven biển thường phát triển ngành gì? + ngành CN nào phát triển mạnh ở các nước châu á? - GV nhận xét, kết luận. 5. <u>Hoạt động 4:</u> Khu vực Đông Nam á. - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 để hoàn thành phiếu bài tập. (trang 122)	- HS ghi vở. - Quan sát và nêu nội dung lược đồ. - Thảo luận nhóm 4, xem lược đồ và đọc SGK để hoàn thành bảng thống kê. - HS làm vào phiếu, một nhóm viết vào giấy khổ to. - 1 nhóm lên báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lần lượt trả lời câu hỏi của GV, mỗi em trả lời 1 câu. - HS ghi vở. - HS thảo luận trong nhóm.
---	---

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- ### III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (4 p) Gọi HS lên bảng trả lời các câu hỏi: + Dân cư châu Á tập trung đông đúc ở vùng nào? Tại sao? + Vì sao khu vực ĐNA lại sản xuất được nhiều lúa gạo? B. Dạy bài mới: 1. <u>Giới thiệu bài:</u> (2p) - GV treo lược đồ các nước châu Á, yêu cầu HS chỉ và nêu tên các nước có chung đường biên giới với nước ta. - GV giới thiệu, ghi đầu bài. 2. <u>Hoạt động 1:</u> Cam- pu- chia (10p) - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4.	- 2 HS lần lượt lên trả lời các câu hỏi. - Cả lớp theo dõi, nhận xét. - 1 HS lên bảng vừa chỉ lược đồ vừa nêu. - HS ghi đầu bài.

Dựa vào lược đồ các khu vực châu Á và lược đồ kinh tế một số nước châu Á, thảo luận theo nội dung sau: + Chỉ vị trí của Cam- pu- chia? (nằm ở đâu, có chung biên giới với nước nào?) + Chỉ lược đồ và nêu tên thủ đô của Cam- pu- chia? Nêu nét nổi bật địa hình? + Người dân Cam- pu- chia sản xuất ngành gì là chủ yếu? Kể tên sản phẩm chính của ngành đó? + Vì sao Cam- pu- chia đánh bắt được nhiều cá nước ngọt? + Mô tả kiến trúc đền Ăng- co Vát và cho biết tôn giáo chủ yếu của người dân Cam- pu- chia? - Gọi HS trình bày kết quả thảo luận. - GV nhận xét và nêu kết luận. 3. Hoạt động 2: Lào (9p) - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 6 trả lời câu hỏi: + Nêu vị trí địa lý của nước Lào? + Chỉ trên bản đồ và nêu tên thủ đô của Lào?	- HS chia thành nhóm cùng xem lược đồ, thảo luận, ghi ra phiếu các câu trả lời của nhóm mình. + Nằm trên bán đảo Đông Dương trong khu vực ĐNA.... + Phnôm Pênh, địa hình bằng phẳng, đa số là đồng bằng. + SX nông nghiệp là chủ yếu, sản phẩm chính là: lúa, gạo, cá nước ngọt,... + Biển Hồ là hồ nước ngọt lớn như biển có trữ lượng cá tôm lớn. + Người dân chủ yếu theo đạo Phật, có nhiều đền chùa. - Mỗi nhóm trả lời 1 câu hỏi. - HS ghi vở ý chính. - HS làm việc theo nhóm như HĐ1. + Nằm trên bán đảo Đông dương,... + Thủ đô là Viêng Chăn. + Chủ yếu là núi và cao nguyên.
--	---

+ Nêu những nét nổi bật của địa hình Lào? + Kể tên các sản phẩm của Lào? + Mô tả kiến trúc của luông Pha- băng. người dân Lào chủ yếu theo đạo gì? - GV gọi HS trình bày kết quả thảo luận. - GV nhận xét, nêu kết luận. + Câu hỏi thêm: So sánh và cho biết điểm giống nhau trong hoạt động kinh tế của ba nước Lào, Việt Nam, Cam- pu- chia? 4. <u>Hoạt động 3</u>: Trung Quốc (9p) - Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4. dựa vào lược đồ, tìm hiểu nội dung sau: + Hãy nêu vị trí địa lí của TQ? + Chỉ trên lược đồ và nêu tên thủ đô của Trung Quốc? + Em có nhận xét gì về diện tích và dân số của TQ? + Nêu những nét nổi bật về địa hình TQ + Em biết gì về Vạn Lí Trường Thành? - Gv yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận. Cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, nêu kết luận.	+ quế, cánh kiến, gỗ quý, lúa gạo. + Người dân Lào chủ yếu theo đạo phật - Các nhóm cử đại diện lên trình bày. - Ghi vở. +Ba nước đều là nước nông nghiệp, ngành công nghiệp đang được trú trọng phát triển. - Hs làm việc theo nhóm. + TQ nằm trong khu vực Đông á. + Thủ đô là Bắc Kinh. + Có diện tích lớn, dân số đông nhất thế giới. + Chủ yếu là đồi núi và cao nguyên. - Mỗi nhóm trình bày 1 câu, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS ghi vở.
---	---

5. <u>Hoạt động 4</u>: Thi kể về các nước láng giềng của VN. (4p) - Chia lớp thành 3 nhóm, dựa vào các tranh ảnh, thông tin mà các nhóm đã sưu tầm (mỗi nhóm sưu tầm về 1 nước) - Mời các nhóm trưng bày sản phẩm và giới thiệu về nước đó. - Nhận xét, tuyên dương các nhóm tích cực sưu tầm nhiều thông tin và có cách trình bày hay. C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (2p) - GV tổng kết tiết học - Dặn HS về học bài và chuẩn bị bài sau.	- HS làm việc theo nhóm. Trình bày tranh ảnh, thông tin thành tờ báo tường. - Cử đại diện giới thiệu sản phẩm của nhóm mình. - lắng nghe. - HS ghi vở.
--	---

Môn: Địa lý

Tiết: 22

***Tên bài dạy:* CHÂU ÂU**

I. MỤC TIÊU:

- HS mô tả được vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ của châu Âu dựa vào lược đồ.
- Chỉ trên lược đồ và nêu tên một số dãy núi lớn, sông lớn của châu Âu.
- Nêu khái quát về địa hình khí hậu, dân cư và hoạt động sản xuất của châu Âu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Lược đồ các châu lục và đại dương (trang 102- SGK)

- Lược đồ tự nhiên châu Âu, các hình minh hoạ trong SGK.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ</u>: (4 p) - Gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi: + Nêu vị trí địa lí của Cam- pu- chia, Lào? + Kể tên một số mặt hàng của TQ mà em biết? + Hãy giới thiệu một cảnh đẹp của 1 trong 3 nước mà em biết? B. <u>Dạy bài mới</u>: (34 p) 1. <u>Giới thiệu bài</u>: (1 p) - GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. <u>Giảng bài</u>: (33 p) <u>Hoạt động 1: Vị trí, giới hạn.</u>(10 p) - GV treo bản đồ tự nhiên thế giới, yêu cầu HS thảo luận nhóm 2: + Châu Âu nằm ở vị trí nào? Các phía đông, bắc, tây, nam giáp những gì? + Xem bảng thống kê (T 103), so sánh DT của châu Âu với các châu lục khác. + Châu Âu nằm trong vùng khí hậu nào? - GV yêu cầu HS trình bày KQ thảo luận - Nhận xét và nêu kết luận. (GV vừa nêu vừa chỉ bản đồ).	- 2 HS lần lượt lên trả lời câu hỏi. - HS khác theo dõi, nhận xét. - HS ghi vở. - 2 HS ngồi cạnh nhau cùng xem lược đồ, đọc SGK để trả lời các câu hỏi. + nằm ở Bắc bán cầu, Bắc giáp BBD, Tây giáp ĐTD, Nam giáp biển ĐTH,... + S là 10 triệu km², đứng thứ 5 thế giới + Khí hậu ôn hoà. - HS tiếp nối trình bày, mỗi em 1 câu. - HS ghi vở ý chính.

* <u>Hoạt động 2: Đặc điểm tự nhiên.</u>(13 p) - GV treo lược đồ tự nhiên châu Âu, yêu cầu HS xem lược đồ và hoàn thành bảng thống kê sau. Phát phiếu cho các nhóm.			- HS chia nhóm, cùng xem lược đồ, đọc SGK.
<i>Khu vực</i>	<i>Đồng bằng, núi, sông lớn</i>	<i>Cảnh thiên nhiên tiêu biểu</i>	
Đông Âu			
Trung Âu			
Tây Âu			
Bán đảo Xcan- đi- na- vi			

- Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 - GV theo dõi, hướng dẫn HS cách quan sát và viết KQ vào phiếu. - Mời 1 nhóm lên trình bày KQ.Các nhóm khác theo dõi, bổ sung. - GV yêu cầu HS dựa vào bảng thống kê để mô tả đặc điểm tiêu biểu của từng khu vực: + Địa hình phía Bắc Trung Âu là gì? + Phía Nam Trung Âu là vùng núi hay đồng bằng? có dãy núi nào lớn?	- HS trao đổi trong nhóm, điền bảng. - Đại diện 1 nhóm lên trình bày. các nhóm khác bổ sung. - 4 HS lần lượt mô tả từng khu vực.
--	---

+ Phân chuyển tiếp giữa đồng bằng Tây Âu và vùng núi Nam Tây Âu là gì? + Khu vực này có con sông nào lớn? + Cảnh tiêu biểu của khu vực này là gì? + Vì sao mùa đông tuyết phủ trắng gần hết châu Âu chỉ trừ dải đất phía Nam? - GV kết luận. * <u>Hoạt động 3</u>: Người dân châu Âu và hoạt động kinh tế. (10 p) - Yêu cầu HS làm việc cá nhân. + Đọc bảng số liệu trang 103, nêu số dân của châu Âu; so sánh số dân châu Âu với dân số của các châu lục khác. + Quan sát hình minh hoạ 3 T 111- SGK, mô tả đặc điểm bên ngoài của người dân châu Âu? + Kể tên một số hoạt động SX, KT của người châu Âu? + Quan sát hình minh hoạ 4 và cho biết hoạt động SX của người châu Âu có gì đặc biệt so với hầu hết SX của người châu á? Điều đó nói lên điều gì về sự phát triển của khoa học kĩ thuật và KT châu Âu?	- Vì châu Âu nằm gần Bắc Băng Dương - HS ghi vở ý chính. - HS làm việc theo yêu cầu, mỗi em nêu 1 ý kiến. + Dân số châu Âu năm 2024 là 728 triệu, chưa bằng 1/5 dân số châu á. + Người châu Âu da trắng, mũi cao, tóc có màu đen, vàng nâu, mắt xanh. + Trồng lúa, mì, gạo, làm việc trong nhà máy,... + Người dân châu Âu làm việc có sự hỗ trợ rất lớn của máy móc, thiết bị. Điều này cho thấy các nước châu Âu có khoa học kĩ thuật, công nghệ phát triển, nền kinh tế mạnh. - HS ghi vở.
---	---

- GV nêu kết luận. C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (2 p) - Em có biết VN có mối quan hệ với các nước châu Âu nào? - GV nhận xét tiết học. - Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau: Tìm hiểu về các nước Nga, Pháp.	- HS tự nêu. - HS lắng nghe.
---	---

Môn: Địa lý

Tiết: 23

***Tên bài dạy:* MỘT SỐ NƯỚC CHÂU ÂU**

I. MỤC TIÊU:

- HS dựa vào lược đồ nhận biết và nêu được vị trí địa lí, đặc điểm lãnh thổ của Liên bang Nga, của Pháp.

- Nêu được một số đặc điểm chính về dân cư, kinh tế của Nga, Pháp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Lược đồ kinh tế một số nước châu Á, châu Âu.

- Các hình minh họa trong SGK, phiếu bài tập của HS.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
-------------------------------	------------------------------

<u>A. Kiểm tra bài cũ:</u> (4 p) Gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi: +Hãy chỉ vị trí, giới hạn của châu Âu, vị trí các dãy núi và đồng bằng của châu Âu? + Nêu đặc điểm của người dân châu Âu? + Nêu các hoạt động kinh tế của các nước châu Âu? - GV nhận xét, cho điểm từng em <u>B. Dạy bài mới:</u> 1. Giới thiệu bài: (1 p) GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. Giảng bài: (33 p) * <u>Hoạt động 1:</u> Liên Bang Nga - Yêu cầu HS làm việc cá nhân: Xem lược đồ một số nước châu Âu, đọc SGK, điền các thông tin vào bảng thống kê (trang 130- SGK) - GV theo dõi HS làm việc, giúp đỡ các em còn lúng túng. - Gọi 1 em lên bảng làm vào bảng to, các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV hỏi thêm: + Em cho biết vì sao khí hậu của Liên Bang Nga, nhất là phần thuộc châu Á rất lạnh, khắc nghiệt?	- 3 HS nối tiếp trả lời, cả lớp theo dõi, nhận xét. - HS theo dõi, ghi vở - HS làm việc theo yêu cầu của GV. - 1 em lên bảng điền vào bảng to - Cả lớp nhận xét, bổ sung - Phía Bắc giáp BBD nên khí hậu lạnh
---	---

+ Khí hậu khô và lạnh tác động đến cảnh quan thiên nhiên ở đây như thế nào - GV yêu cầu HS dựa vào bảng thống kê trình bày lại về các yếu tố địa lí tự nhiên và các sản phẩm chính của các ngành sản xuất của liên Bang Nga. - GV nhận xét, nêu kết luận: LB. Nga nằm ở Đông Âu, Bắc á, có diện tích lớn nhất thế giới, có nhiều tài nguyên thiên nhiên và phát triển nhiều ngành KT. * <u>Hoạt động 2: Pháp</u> - Yêu cầu HS quan sát hình 1 (SGK), chỉ vị trí nước Pháp. + Nước Pháp nằm ở vị trí nào của châu Âu? + Giáp với những nước nào, đại dương nào? -Gọi 1 HS lên bảng chỉ bản đồ TG và nêu. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để so sánh vị trí địa lý, khí hậu LB. Nga với nước Pháp? - GV nêu KL: Nước Pháp nằm ở Tây Âu, giáp biển, có khí hậu ôn hoà. * <u>Hoạt động 3:</u> HS thảo luận nhóm 4	+ Rừng Tai- ga phát triển mạnh - 1 HS trình bày trước lớp kết hợp chỉ bản đồ - HS lắng nghe - HS quan sát hình minh hoạ trong SGK, các lược đồ để trả lời các câu hỏi. + Nằm ở Tây Âu, thủ đô là Pa- ri + Giáp Đại Tây Dương - Các nhóm thảo luận, cử đại diện phát biểu - HS lắng nghe - HS thảo luận theo nhóm 4
--	---

- Đọc SGK, nêu tên các sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp của nước Pháp và so sánh với sản phẩm của nước Nga? - Em biết gì về ngành du lịch của nước Pháp? - GV nêu thêm: ở châu Âu, Pháp là nước có nông nghiệp phát triển, sản xuất nhiều nông sản đủ cho nhân dân dùng và còn thừa để xuất khẩu. Nước pháp sản xuất nhiều: vải, quần áo, mĩ phẩm, dược phẩm, thực phẩm. - GV yêu cầu các nhóm lên trình bày KQ thảo luận của nhóm mình - GV gọi đại diện các nhóm lên thi kể về nông sản của nước Pháp. <i>Kết luận:</i> Nước Pháp có công nghiệp, nông nghiệp phát triển, có nhiều mặt hàng nổi tiếng, có ngành du lịch rất phát triển vì nước này có nhiều phong cảnh tự nhiên đẹp, nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng và người dân rất văn minh, lịch sự. C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (3 p) - GV tổng kết bài	- Lắng nghe - Đại diện các nhóm lên trình bày, các nhóm khác theo dõi, bổ sung. - 2 em lên thi kể - HS lắng nghe - Lắng nghe và ghi nhớ
--	---

- GV dẫn HS về học bài và chuẩn bị bài sau: Ôn tập	
--	--

Môn: Địa lý

Tiết: 24

***Tên bài dạy:* ÔN TẬP**

I. MỤC TIÊU: Giúp HS ôn tập, củng cố các kỹ năng sau:

- Xác định, mô tả sơ lược vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ của châu á, châu Âu
- Hệ thống hoá kiến thức cơ bản đã học về châu á, châu Âu
- So sánh ở mức đơn giản để thấy được sự khác biệt giữa hai châu lục.
- Điền đúng vị trí của một số dãy núi trên lược đồ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ địa lý tự nhiên thế giới.
- Các lược đồ, hình minh hoạ từ bài 17 đến bài 21
- Phiếu học tập của HS

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> (5 p) - GV gọi 3 HS lên bảng, trả lời các câu hỏi:	- 3 em lần lượt trả lời các câu hỏi

+ Em hãy nêu những nét chính về vị trí địa lý, ĐK tự nhiên của Liên bang Nga? + Vì sao Pháp sản xuất được nhiều nông sản? + Kể tên một số sản phẩm của ngành công nghiệp Pháp? - GV nhận xét, cho điểm từng HS	- Cả lớp theo dõi, nhận xét
B. <u>Dạy bài mới</u>: (32 p) 1. Giới thiệu bài: (1 p) GV nêu nhiệm vụ của tiết học, ghi đầu bài <u>2. Hoạt động 1: Trò chơi “ Đối đáp nhanh”</u> - GV chọn 2 đội chơi, mỗi đội 7 HS đứng ở hai bên, giữa treo bản đồ tự nhiên thế giới. - GV hướng dẫn cách chơi + Đội 1 ra câu hỏi về nội dung vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ, các dãy núi lớn, các đồng bằng, các con sông của châu á hoặc châu Âu. + Đội 2 nghe xong nhanh chóng dùng bản đồ TN thế giới để trả lời. Nếu đúng được chơi tiếp, nếu sai, bạn trả lời sai sẽ bị loại. + Sau đó đội 2 ra câu hỏi cho đội 1. + Mỗi đội được ra 7 câu hỏi	- HS lắng nghe, ghi vở - HS lập thành 2 đội, tham gia trò chơi - HS lắng nghe - VD:+ Bạn hãy chỉ và nêu vị trí của châu á? + Chỉ và nêu giới hạn của châu á? + Chỉ và nêu các khu vực của châu á? + Chỉ và nêu tên dãy núi có “ nóc nhà của thế giới” + Chỉ khu vực ĐNA trên bản đồ? + Bạn hãy nêu vị trí của châu Âu?

+ Trò chơi kết thúc khi hết lượt nêu câu hỏi, đội nào còn nhiều thành viên hơn là đội chiến thắng - GV tổng kết trò chơi, tuyên dương đội thắng cuộc 3. <u>Hoạt động 2</u>: So sánh một số yếu tố tự nhiên và xã hội giữa châu á và châu Âu - Gv yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 trong 7 phút: Hoàn thành bài tập 2 trang 115- SGK - GV theo dõi, giúp đỡ các nhóm còn lúng túng. - GV chữa bài của 2 nhóm trên bảng lớp - GV nhận xét, kết luận kết quả đúng như sau:		+ Hãy kể tên các đại dương và châu lục tiếp giáp với châu Âu?.... - HS làm việc theo nhóm - HS hỏi GV khi gặp khó khăn - 2 nhóm dán bài trên bảng - HS lắng nghe
Tiêu chí	Châu á	Châu Âu
Diện tích	b. Rộng 44 triệu km ² , lớn nhất trong các châu lục	a. Rộng 10 triệu km ²
Khí hậu	c. Có đủ các đới khí hậu từ nhiệt đới, ôn đới, hàn đới	d. Chủ yếu ở đới khí hậu ôn hoà
Địa hình	e. Núi và cao nguyên chiếm á diện tích, có đỉnh núi Ê- vơ- rét cao nhất thế giới.	g. Đồng bằng chiếm 2/3 diện tích, kéo dài từ tây sang đông.
Chủng tộc	i. Chủ yếu là người da vàng	h. Chủ yếu là người da trắng

HĐ kinh tế	k. Làm nông nghiệp là chính	l. Hoạt động công nghiệp phát triển
------------	-----------------------------	-------------------------------------

C. Củng cố, dặn dò: (3 p)

- GV tổng kết nội dung về châu á và châu Âu.
- Dặn HS về nhà ôn lại các kiến thức, kĩ năng đã học về châu á và châu Âu, chuẩn bị bài sau: Châu Phi

Môn: Địa lý

Tiết: 25

***Tên bài dạy:* CHÂU PHI**

I. MỤC TIÊU: Sau bài học, HS có thể:

- Xác định trên bản đồ và nêu được vị trí, giới hạn của châu Phi.
- Nêu được một số đặc điểm về vị trí địa lý, tự nhiên của châu Phi.
- Thấy được mối quan hệ giữa vị trí địa lý với khí hậu, giữa khí hậu với thực vật, động vật ở châu Phi.

- Chỉ được vị trí của hoang mạc Xa- ha- rất tên bản đồ, lược đồ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ địa lý thế giới, các hình minh hoạ trong SGK.
- Phiếu học tập của HS

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (5 p) - GV gọi 2 HS lên bảng trả lời câu hỏi: + Em hãy nêu những nét chính của châu Á? + Em hãy nêu những nét chính của châu Âu? - GV nhận xét, cho điểm HS B. Dạy bài mới: (32 p) 1. Giới thiệu bài: (1p) GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. Hoạt động 1: Vị trí, giới hạn của châu Phi - GV treo bản đồ tự nhiên thế giới. - GV yêu cầu HS xem lược đồ và cho biết: + Châu Phi nằm ở vị trí nào trên trái đất? + Châu Phi giáp những châu lục, biển và đại dương nào?	- 2 HS lên bảng trả lời câu hỏi của GV - HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ - HS quan sát lược đồ + Nằm trong khu vực chí tuyến, lãnh thổ trải dài từ trên chí tuyến Bắc đến qua đường chí tuyến Nam. + Phía Bắc giáp biển Địa Trung Hải; phía ĐB, ĐN giáp Ấn Độ Dương; phía Tây và TN giáp ĐTD.

+ Đường xích đạo đi qua phần lãnh thổ nào của châu Phi? - GV yêu cầu HS trình bày ý kiến trước lớp. - GV yêu cầu HS xem bảng thống kê trang 103- SGK: + Tìm số đo diện tích của châu Phi. + So sánh DT của châu Phi với các châu lục khác. - GV gọi HS nêu ý kiến - GV kết luận 3. Hoạt động 2: Địa hình châu Phi - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp: Quan sát lược đồ tự nhiên châu Phi và trả lời các câu hỏi: + Lục địa châu Phi có chiều cao ntn so với mực nước biển? + Kể tên và nêu vị trí của các bồn địa ở châu Phi? + Kể tên và nêu các cao nguyên của châu Phi? + Kể tên, chỉ tên các con sông lớn của châu Phi? + Kể tên các hồ lớn của châu Phi?	+ Đường xích đạo đi vào giữa lãnh thổ - HS cả lớp theo dõi, nhận xét. + DT là 30 triệu km² + là châu lục lớn thứ 3 trên thế giới - 1 HS nêu ý kiến, HS khác nhận xét - HS lắng nghe - HS trao đổi theo cặp + Đại bộ phận có lục địa tương đối cao + Sát, Nin Thượng, Côn Gô, Ca- la- ha- ri. + Ê-to-ô-pi, Đông Phi,... + sông Nin, sông Ni- giê, Côn- gô,...
---	---

- GV gọi HS trình bày ý kiến - GV nhận xét, tổng kết: Châu Phi có địa hình tương đối cao, có nhiều bồn địa và cao nguyên 4. Hoạt động 4: Khí hậu và cảnh quan thiên nhiên - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4, cùng đọc SGK xem hình minh hoạ và thảo luận để hoàn thành phiếu bài tập sau (nội dung phiếu như sách thiết kế trang 151) - GV theo dõi, hướng dẫn HS làm bài. - GV gọi nhóm làm bài trên giấy khổ to dán lên bảng, yêu cầu các nhóm khác nhận xét. - GV sửa chữa để có câu trả lời đúng. - GV hỏi thêm: + Vì sao ở hoang mạc Xa-ha-ra thực vật và động vật rất nghèo nàn? + Vì sao ở các sa-van động vật chủ yếu là các loài động vật ăn cỏ? - GV tổng kết: Phần lớn DT châu Phi là hoang mạc và sa-van, chỉ có một ven biển và gần hồ Sat, bồn địa côn-gô là có rừng	+ Hồ Vic-to-ri-a - Mỗi HS trả lời một câu, cả lớp theo dõi, nhận xét - HS ghi vở - HS chia nhóm và thảo luận - 1 nhóm trình bày kết quả thảo luận các nhóm khác nhận xét, bổ sung + Hoang mạc có khí hậu nóng nhất thế giới, không có sông ngòi nên cây cối không phát triển. + Sa-van có ít mưa nên đồng cỏ và cây bụi phát triển, động vật ăn cỏ phát triển
---	---

rậm nhiệt đới. Sở dĩ như vậy vì khí hậu châu Phi khô và nóng bậc nhất thế giới nên cả thực vật và động vật đều khó phát triển. C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (3 p) - GV nhận xét tiết học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau	- HS lắng nghe và ghi bài - Lắng nghe và ghi nhớ
---	---

Môn: Địa lý

Tiết: 26

***Tên bài dạy:* CHÂU PHI (tiếp theo)**

I. MỤC TIÊU:

- HS nêu được dân số của châu Phi. Đa số dân châu Phi là da đen.
- Nêu được một số đặc điểm chính của kinh tế châu Phi.
- Nêu được một số nét tiêu biểu về Ai Cập, xác định được vị trí của Ai Cập trên bản đồ

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ các nước trên thế giới, bản đồ kinh tế châu Phi.
- Hình minh hoạ trong SGK.
- Tranh ảnh, thông tin về văn hoá Ai Cập (HS sưu tầm)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (5 p) - Gọi HS lên trả lời các câu hỏi: + Tìm và nêu vị trí của châu Phi trên quả địa cầu? +Tìm và chỉ vị trí của hoang mạc Xa-ha-ra và xa-van trên lược đồ tự nhiên châu Phi? + Nêu tên và chỉ vị trí các con sông lớn của châu Phi? - GV nhận xét, cho điểm HS B. Dạy bài mới: (32 p) 1. Giới thiệu bài: (1p) GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. Hoạt động 1: Dân cư châu Phi - Yêu cầu HS làm việc cá nhân: + Đọc bảng số liệu trang 103, nêu số dân của châu Phi? + So sánh số dân của châu Phi với các châu lục khác? + Quan sát hình minh hoạ3 trang 118, mô tả đặc điểm bên ngoài của người châu Phi? + Bức ảnh gợi cho em suy nghĩ gì về điều kiện sống của người dân châu Phi?	- 3 HS lần lượt trả lời các câu hỏi - 3 HS khác nhận xét - HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ - HS tự làm việc theo y/c của GV, mỗi em nêu một ý kiến, các HS khác bổ sung + Năm 20214, dân số châu Phi là884 triệu người + Chưa bằng 1/5 số dân của châu á + da đen, tóc xoăn,mặc quần áo nhiều màu sắc rực rỡ. + HS tự trả lời

+ Người dân châu Phi sinh sống chủ yếu ở những vùng nào - GV kết luận: Năm 20214 dân số châu Phi là 884 triệu người, hơn 2/3 trong số họ là người da đen 3. Hoạt động 2: Kinh tế châu Phi - Yêu cầu HS làm việc theo cặp, cùng trao đổi hoàn thành bài tập sau: (bảng phụ) Ghi Đ; S vào ô trống: ☐ a) Châu Phi là châu lục có nền KT phát triển. ☐ b) Hầu hết các nước châu Phi tập trung khai thác khoáng sản và trồng cây ☐ nhiệt đới. c) Đời sống người dân châu Phi còn nhiều khó khăn. - Gọi HS nêu kết quả bài làm của mình. - GV yêu cầu HS giải thích vì sao ý a là sai, làm rõ các ý b; c. - Yêu cầu HS lên chỉ trên bản đồ các nước có nền KT phát triển.	+ Vùng ven biển và các thung lũng sông - HS ghi vở - HS làm việc theo cặp, trao đổi và ghi câu trả lời ra giấy. Đáp án: a) Sai b) Đúng c) Đúng - 1 HS nêu ý kiến, cả lớp thống nhất ý kiến - 3 HS nêu ý kiến giải thích - HS chỉ và nêu tên các nước: Ai Cập, An- giê- ri, CH Nam Phi.
--	--

- Vì sao các nước châu Phi có nền KT chậm. phát triển? - GV nêu KL: Hầu hết các nước châu Phi có nền KT chậm phát triển, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn, thiếu thốn. 4. Hoạt động 3: Ai Cập (phiếu học tập) - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành bảng thống kê về đặc điểm của các yếu tố tự nhiên và kinh tế - xã hội Ai Cập. - GV phát phiếu cho các nhóm - GV theo dõi HS làm việc. - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận - Tổ chức cho HS giới thiệu các thông tin, tranh ảnh về Ai Cập đã sưu tầm được. - GV nhận xét, tuyên dương những em có ý thức chuẩn bị tốt. C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (3 p) - GV tổng kết tiết học - Dặn dò HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau (sưu tầm tranh ảnh tư liệu về rừng A-ma- đôn)	- HS tự trả lời - HS nghe, ghi bảng - HS làm việc theo nhóm, đọc SGK và thảo luận để hoàn thành bảng - Mỗi nhóm báo cáo một yếu tố, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Một số HS trình bày KQ sưu tầm của mình. - HS lắng nghe và ghi nhớ
--	--

--	--

Môn: Địa lý

Tiết: 27

***Tên bài dạy:* CHÂU MỸ**

I. MỤC TIÊU: Sau bài học, HS biết:

- Xác định và mô tả sơ lược được vị trí địa lý và giới hạn của châu Mỹ trên quả địa cầu hoặc trên bản đồ thế giới.
- Có một số hiểu biết về thiên nhiên của châu Mỹ và nêu được chúng thuộc khu vực nào của châu Mỹ.
- Nêu tên và chỉ trên lược đồ vị trí một số dãy núi và đồng bằng lớn của châu Mỹ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ Địa lí tự nhiên thế giới. Lược đồ các châu lục và đại dương.
- Lược đồ tự nhiên châu Mỹ, các hình minh hoạ SGK, phiếu học tập của HS.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ:</u> (5 p) - Gọi HS lên bảng trả lời các câu hỏi về nội dung bài trước:	- 3 HS tiếp nối trả lời các câu hỏi

+ Nêu dân số châu Phi năm 2021? Họ chủ yếu có màu da như thế nào? + Kinh tế châu Phi có đặc điểm gì khác KT châu Âu và châu Á? + Hãy nêu các hiểu biết của em về đất nước Ai Cập? - GV nhận xét, cho điểm HS B. <u>Dạy bài mới</u>: (32 p) 1. <u>Giới thiệu bài</u>: (1p) GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. <u>Hoạt động 1</u>: Vị trí địa lí và giới hạn châu Mỹ - Yêu cầu HS quan sát quả địa cầu và tìm ranh giới giữa bán cầu Đông và bán cầu Tây. - Yêu cầu HS xem hình 1 (t103), tìm châu Mỹ và các châu lục, đại dương tiếp giáp với châu Mỹ. Các bộ phận của châu Mỹ. - GV yêu cầu HS lên chỉ trên bản đồ thế giới và nêu vị trí địa lí của châu Mỹ. - Yêu cầu HS đọc bảng số liệu thống kê về DT và dân số các châu lục trên thế giới, cho biết DT của châu Mỹ là bao nhiêu?	- Cả lớp theo dõi, nhận xét - HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ - HS lên bảng tìm trên quả Địa cầu và chỉ ranh giới và giới hạn của hai bán cầu Đông – Tây - HS làm việc cá nhân, tìm vị trí địa lí, giới hạn của châu Mỹ theo các phía đông, tây, nam, bắc. - 3 HS lần lượt lên bảng làm theo yêu cầu của GV. - HS làm việc cá nhân, đọc bảng số liệu và tìm DT châu Mỹ. 1 HS nêu trước lớp DT châu Mỹ là 42 triệu km², đứng thứ hai trên thế giới, sau châu á.
--	--

3. Hoạt động 2: Thiên nhiên châu Mĩ - Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4: Quan sát hình 2, tìm trên lược đồ tự nhiên châu Mĩ, cho biết ảnh đó chụp ở bắc Mĩ, Trung Mĩ hay Nam Mĩ và điền thông tin vào bảng trong phiếu học tập (Trang 161 – Sách thiết kế) - GV theo dõi, giúp đỡ HS, gợi ý các em biết cách mô tả thiên nhiên các vùng. - GV mời các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - Hỏi: Qua bài tập trên, em có nhận xét gì về thiên nhiên châu Mĩ? - GV kết luận: Thiên nhiên châu Mĩ rất đa dạng và phong phú, mỗi vùng, mỗi miền có những cảnh đẹp khác nhau. 4. Hoạt động 3: Địa hình châu Mĩ - GV treo lược đồ tự nhiên châu Mĩ, yêu cầu HS quan sát lược đồ mô tả địa hình của châu Mĩ. GV gợi ý cho HS cách mô tả: + Địa hình châu Mĩ có độ cao ntn? độ cao địa hình thay đổi thế nào từ tây sang đông?	- HS làm việc theo nhóm 4 cùng trao đổi, xem lược đồ, xem ảnh và hoàn thành phiếu. - Mỗi bức ảnh do một nhóm báo cáo - Thiên nhiên châu Mĩ rất đa dạng và phong phú. - HS nghe, ghi vở - HS làm việc theo cặp. 2 HS vừa chỉ lược đồ vừa mô tả cho nhau nghe theo gợi ý của GV.
--	--

+ Kể tên và vị trí của * Các dãy núi lớn * Các đồng bằng lớn * Các cao nguyên lớn - GV gọi HS nối tiếp nhau trình bày - Gv nhận xét câu trả lời của HS 5. Hoạt động 4: Khí hậu châu Mỹ - GV yêu cầu trả lời các câu hỏi sau: + Lãnh thổ châu Mỹ trải dài trên các đới khí hậu nào? + Hãy chỉ trên lược đồ từng đới khí hậu? - Gv nhận xét câu trả lời của HS và nêu lại các đới khí hậu của Bắc Mỹ. - Nêu tác dụng của rừng rậm A- ma- đôn đối với khí hậu của châu Mỹ. - Gv nêu kết luận C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (3 p) - Hãy giải thích vì sao thiên nhiên châu Mỹ rất đa dạng và phong phú? - GV tổng kết tiết học - Dặn HS chuẩn bị bài sau: châu mỹ (tiếp)	- 2 HS trình bày, một em nêu địa hình Bắc Mỹ, một em nêu địa hình Nam Mỹ - HS nghe, suy nghĩ và trả lời câu hỏi - Hàn đới, ôn đới, nhiệt đới - Một HS lên bảng chỉ, cả lớp theo dõi - Đây là khu rừng nhiệt đới lớn nhất thế giới, làm trong lành và dịu mát khí hậu nhiệt đới của Nam Mỹ, điều tiết nước sông ngòi. Nơi đây được ví là lá phổi xanh của Trái Đất. - Vài HS nêu ý kiến (Vì địa hình phức tạp, sông ngòi dày đặc, có cả 3 đới khí hậu nên thiên nhiên châu Mỹ đa dạng, phong phú)
---	--

Môn: Địa lý

Tiết: 28

Tên bài dạy: CHÂU MĨ (tiếp)

I. MỤC TIÊU:

- HS nêu được phần lớn người dân châu Mỹ là người nhập cư, kể được các thành phần dân cư châu Mỹ.
- Trình bày được một số thành phần chính của kinh tế châu Mỹ và một số đặc điểm về dân cư của Hoa Kỳ.
- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí của Hoa Kỳ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ thế giới
- Các hình minh họa trong SGK.
- Phiếu học tập của HS

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. <u>Kiểm tra bài cũ</u>: (5 p) - Gọi HS lên trả lời câu hỏi: + Em hãy tìm và chỉ vị trí của châu Mỹ trên bản đồ thế giới? + Nêu đặc điểm địa hình châu Mỹ? + Kể những điều em biết về rừng A- ma- dôn? - GV nhận xét, cho điểm HS	- 3 HS lần lượt trả lời - Các HS khác theo dõi, nhận xét

B. <u>Dạy bài mới</u>: (32 p) 1. <u>Giới thiệu bài</u>: (1p) GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. <u>Giảng bài</u>: * <u>Hoạt động 1</u>: Dân cư châu Mỹ - Yêu cầu HS làm việc cá nhân theo các nhiệm vụ sau: + Đọc bảng số liệu (T103- SGK), cho biết: Nêu số dân châu Mỹ. So sánh số dân châu Mỹ với các châu lục khác. + Dựa vào bảng số liệu (T124) cho biết các thành phần dân cư châu Mỹ. + Vì sao dân cư châu Mỹ lại có nhiều thành phần, nhiều màu da như vậy? + Người châu Mỹ sinh sống chủ yếu ở những vùng nào - GV nêu KL: <i>Năm 2021 số dân châu Mỹ là 876 triệu người, đứng thứ 3 thế giới. thành phần dân cư đa dạng, phức tạp.</i> * <u>Hoạt động 2</u>: Kinh tế châu Mỹ - GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm 4	- HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ - HS làm việc theo yêu cầu, mỗi HS nêu một nhiệm vụ, các HS khác nhận xét, bổ sung. * 876 triệu người * Chưa bằng 1/5 số dân châu á * Dân cư có nhiều thành phần và màu da khác nhau. + Vì họ chủ yếu là người nhập cư từ các châu lục khác đến + Vùng ven biển và miền đông - HS ghi vở - HS làm việc theo nhóm 4 để hoàn thành bài trong 5 p
---	---

Hoàn thành phiếu bài tập: So sánh KT của Bắc Mĩ, Trung Mĩ và Nam Mĩ (T167-STKBG) - GV gọi HS báo cáo kết quả thảo luận - GV nhận xét câu trả lời của HS - Yêu cầu HS dựa vào nội dung bảng so sánh trình bày khái quát về KT châu Mĩ - Gv nêu KL: Bắc Mĩ có nền KT phát triển Các ngành công nông nghiệp hiện đại. Trung Mĩ có nền KT đang phát triển * Hoạt động 3: Hoa Kì - Gv yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 để hoàn thành sơ đồ các đặc điểm địa lí Hoa Kì (Sơ đồ trang 168- STK) - GV theo dõi, gợi ý, giúp HS hoàn thành sơ đồ trên - Gv gọi một nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình. - GV nhận xét phần trình bày của HS. - Yêu cầu HS dựa vào bảng so sánh trình bày khái quát về tự nhiên và kinh tế Hoa Kì	- 3 nhóm báo cáo - HS ghi vở - HS làm việc theo nhóm, điền các thông tin còn thiếu vào sơ đồ. Một nhóm làm vào giấy khổ to. - HS nêu câu hỏi khi gặp khó khăn - Một nhóm lên báo cáo, các nhóm khác nhận xét, bổ sung - 1 HS trình bày trước lớp, cả lớp theo dõi, nhận xét - HS lắng nghe, ghi vở tóm tắt
---	--

- GV kết luận: <i>Hoa Kỳ nằm ở Bắc Mỹ, là một trong những nước có nền kinh tế phát triển nhất thế giới. Hoa Kỳ nổi tiếng về SX điện, các ngành công nghệ cao và còn là một trong những nước xuất khẩu nông sản nổi tiếng trên thế giới: lúa, mì, thịt, rau.</i> C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (3 p) - GV tổng kết tiết học - Dặn HS chuẩn bị bài sau: <i>Châu Đại Dương và châu Nam Cực</i>	- Lắng nghe, ghi nhớ
---	-----------------------------

Môn: Địa lý

Tiết: 29

***Tên bài dạy:* CHÂU ĐẠI DƯƠNG VÀ CHÂU NAM CỰC**

I. MỤC TIÊU: Sau bài học, HS biết:

- Xác định được trên bản đồ vị trí địa lí, giới hạn của châu Đại Dương và châu Nam Cực.
- Sử dụng quả địa cầu để nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Đại Dương, châu Nam Cực.

- Nêu được những đặc điểm tiêu biểu về vị trí địa lí, tự nhiên, dân cư, kinh tế của châu Đại Dương và châu Nam Cực

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ thế giới, Lược đồ tự nhiên của châu Đại Dương và châu Nam Cực.
- Hình minh hoạ SGK, phiếu học tập của HS.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (5 p) - Gọi HS lên bảng trả lời các câu hỏi: + Nêu đặc điểm của dân cư châu Mỹ? + Nền KT Bắc Mỹ có gì khác với Trung Mỹ và Nam Mỹ? + Em biết gì về đất nước Hoa Kỳ? - GV nhận xét, cho điểm HS B. Dạy bài mới: (32 p) 1. Giới thiệu bài: (1p) GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. Giảng bài: * HĐ1: Vị trí địa lí, giới hạn của châu Đại Dương - GV treo bản đồ thế giới. Yêu cầu HS làm việc theo cặp, cùng xem lược đồ tự nhiên châu Đại Dương và: +Chỉ và nêu vị trí của lục địa Ô- xtrây- li-	- 3 em lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Cả lớp theo dõi, nhận xét - HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ - HS làm việc theo cặp

a. + Chỉ và nêu tên các quần đảo, các đảo của châu Đại Dương. - GV gọi HS lên bảng chỉ trên bản đồ thế giới lục địa Ô- xtrây- li- a và các quần đảo, các đảo của châu Đại Dương. - Kết luận: Châu Đại Dương nằm ở nam bán cầu, gồm lục địa Ô- xtrây- li- a và các đảo, quần đảo xung quanh. * HĐ2: Đặc điểm tự nhiên của châu Đại Dương - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4: Đọc SGK, quan sát lược đồ tự nhiên châu Đại Dương để hoàn thành phiếu bài tập (T171) - Gọi HS trình bày bảng so sánh. - GV yêu cầu HS trình bày về đặc điểm tự nhiên của châu Đại Dương. + Vì sao lục địa Ô- xtrây- li- a có khí hậu khô và nóng? * HĐ3: Người dân và hoạt động kinh tế của châu Đại Dương	+ Nằm ở Nam bán cầu, có đường chí tuyến đi qua + Niu Gi- nô, quần đảo Bi- xăng- ti- mé- tác, Xô- lô- môn,... - 2 HS lần lượt lên chỉ bản đồ, cả lớp theo dõi, nhận xét - HS ghi vở - HS làm việc theo nhóm để hoàn thành bảng theo yêu cầu của GV - Mỗi HS trình bày 1 ý trong bảng, HS khác theo dõi, bổ sung. - 3 HS nối tiếp nhau trình bày theo trình tự: địa hình- khí hậu- sinh vật + Vì lãnh thổ rộng, không có biển ăn sâu vào đất liền, nằm trong vùng có khí hậu nhiệt đới. - Mỗi HS trả lời 1 câu hỏi:
---	--

- GV tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi: + Dựa vào bảng số liệu (T 103- SGK) hãy: * Nêu số dân của châu Đại Dương. * So sánh số dân của châu Đại Dương với các châu lục khác. + Nêu thành phần dân cư của châu đại Dương. Họ sống ở những đâu? + Nêu nhận xét chung về nền kinh tế của Ô- xtrây- li- a? - GV nhận xét, sửa phần trình bày của HS - Kết luận: <i>Lục địa Ô- xtrây- li- a có khí hậu khô hạn, thực vật và động vật độc đáo. Ô- xtrây- li- a có nền KT phát triển nhất ở châu lục này.</i> * HĐ3: Châu Nam Cực - Yêu cầu HS quan sát hình 5 và cho biết vị trí địa lí của châu Nam Cực. - GV yêu cầu HS đọc sách để tìm hiểu về tự nhiên của châu Nam Cực. - Yêu cầu HS dựa vào SGK điền thông tin còn thiếu vào sơ đồ. - Gọi HS đọc lại các thông tin vừa điền. - Yêu cầu HS dựa vào sơ đồ để giải thích: + Vì sao châu nam Cực có khí hậu lạnh nhất thế giới?	+ Năm 2021 là 33 triệu + số dân ít nhất thế giới + Gồm 2 thành phần: dân bản địa và dân di cư,... + Có nền KT phát triển.... - HS ghi vở - Nằm ở vùng địa cực phía Nam - 1 HS đọc SGK- T128 - HS đọc SGK, vẽ sơ đồ và điền các thông tin còn thiếu. - 1 HS đọc to, HS khác nhận xét - HS tự giải thích (nằm ở vùng cực địa ít nhận được năng lượng của mặt trời)
---	---

+ Vì sao con người không sinh sống thường xuyên ở châu Nam Cực? - GV kết luận: <i>Châu Nam Cực là châu lục lạnh nhất thế giới và là châu lục duy nhất không có dân cư sinh sống thường xuyên, chỉ có các nhà khoa học đến đây để nghiên cứu.</i> C. <u>Củng cố, dặn dò:</u> - GV nhận xét tiết học - Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.	- Vì khí hậu khắc nghiệt - HS ghi vở
---	--

Môn: Địa lý

Tiết: 30

***Tên bài dạy:* CÁC ĐẠI DƯƠNG TRÊN THẾ GIỚI**

I. MỤC TIÊU: sau bài học, HS có thể:

- Nhớ tên và tìm được vị trí của bốn đại dương trên quả Địa cầu hoặc trên bản đồ thế giới.

- Mô tả được vị trí địa lí, độ sâu trung bình, diện tích của các đại dương dựa vào bản đồ và bảng số liệu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Quả Địa cầu hoặc bản đồ thế giới.

- Bảng số liệu về các đại dương.
- Sưu tầm tranh ảnh, thông tin về các đại dương, các sinh vật dưới lòng đại dương.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
A. Kiểm tra bài cũ: (5 p) - Gọi HS lên bảng trả lời các câu hỏi: + Tìm trên bản đồ thế giới vị trí của châu Đại Dương và châu Nam Cực? + Em biết gì về châu Nam Cực? + Nêu những đặc điểm nổi bật của châu Nam Cực? - GV nhận xét, cho điểm HS B. Dạy bài mới: (32 p) 1. Giới thiệu bài: (1p) GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2. Giảng bài: * HĐ1: Vị trí của các đại dương - GV yêu cầu HS quan sát hình 1- T130, SGK và hoàn thành bảng thống kê về vị trí, giới hạn của các đại dương trên thế giới. - GV yêu cầu HS báo cáo kết quả thảo luận - GV nhận xét câu trả lời của HS	- 3 HS lần lượt lên bảng trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV. - Cả lớp theo dõi, nhận xét - HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ - HS làm việc theo cặp, thảo luận để hoàn thành phiếu bài tập - 4 HS lần lượt báo cáo kết quả, mỗi em báo cáo về 1 đại dương - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung

Tên đại dương	Vị trí(nằm ở bán cầu nào)	Tiếp giáp với châu lục, đại dương nào
<i>Thái Bình Dương</i>	<i>Phần lớn ở bán cầu Tây, một phần nhỏ ở bán cầu Đông</i>	- Giáp các châu lục: châu Mỹ, châu á, châu Đại Dương, châu Nam Cực, châu Âu. - Giáp các đại dương: Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương
<i>Ấn Độ Dương</i>	<i>Nằm ở bán cầu Đông</i>	- Giáp các châu lục: Châu đại Dương, châu á, châu Phi, châu Nam Cực - Giáp các đại dương: Thái Bình Dương, Đại Tây Dương
<i>Đại Tây Dương</i>	<i>Một nửa nằm ở bán cầu Đông, một nửa nằm ở bán cầu Tây.</i>	- Giáp các châu lục: châu á, châu Mỹ, châu Đại Dương, châu nam Cực - Giáp các đại dương: Thái Bình dương, Ấn Độ Dương
<i>Bắc Băng Dương</i>	<i>Nằm ở vùng cực Bắc</i>	- Giáp các châu lục: châu á, châu Âu, châu Mỹ. - Giáp Thái Bình Dương
* HĐ2: Một số đặc điểm của đại dương		

- GV treo bảng số liệu về các đại dương, yêu cầu HS: + Nêu diện tích, độ sâu trung bình, độ sâu lớn nhất của từng đại dương. + Xếp các đại dương theo thứ tự từ lớn đến nhỏ về diện tích + Cho biết độ sâu lớn nhất thuộc về đại dương nào? - GV nhận xét, chỉnh sửa từng câu trả lời của HS * HĐ3: Thi kể về các đại dương - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 8 Các nhóm trưng bày tranh ảnh, bài báo, câu chuyện, thông tin để giới thiệu với các bạn. - GV cùng cả lớp đi nghe từng nhóm giới thiệu. - GV và cả lớp bình chọn nhóm sưu tầm đẹp, hay nhất. C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (3 p) - GV nhận xét tiết học, tuyên dương các HS tích cực tham gia xây dựng bài, nhắc nhở các em chưa cố gắng. - Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị bài sau: <i>Ôn tập</i>	- HS làm việc cá nhân, mỗi HS trả lời một câu + Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương + Thái Bình Dương có độ sâu TB lớn nhất - HS làm việc theo nhóm, dán các tranh ảnh, bài báo, câu chuyện mình sưu tầm được thành báo tường. - Lần lượt từng nhóm giới thiệu trước lớp. - HS lắng nghe, ghi nhớ
--	---

Môn: Địa lý

Tiết: 33

***Tên bài dạy:* ÔN TẬP CUỐI NĂM**

I. MỤC TIÊU: Giúp HS ôn tập, củng cố các kiến thức, kỹ năng địa lí sau:

- Nêu một số đặc điểm tiêu biểu về tiêu biểu về tự nhiên, dân cư và các hoạt động kinh tế của châu á, châu Âu, châuPhi, châu Mỹ, châu Đại Dương
- Nhớ được tên các quốc gia đã được học trong chương trình.
- Chỉ được trên bản đồ thế giới các châu lục và các đại dương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC:

- Bản đồ thế giới, quả Địa cầu.
- Phiếu học tập của HS
- Thẻ ghi từ các châu lục và các đại dương.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

HOẠT ĐỘNG DẠY CỦA THẦY	HOẠT ĐỘNG HỌC CỦA TRÒ
------------------------	-----------------------

A. Kiểm tra bài cũ: (5 p) - Gọi HS lên bảng trả lời câu hỏi về nội dung bài cũ: + Nêu tên và tìm 4 đại dương trên quả Địa cầu + Mô tả từng đại dương theo trình tự: vị trí địa lí, diện tích, độ sâu. - GV nhận xét, cho điểm HS B. Dạy bài mới: (32 p) 1. Giới thiệu bài: (1p) GV giới thiệu và ghi đầu bài lên bảng. 2.Hướng dẫn:: * HD1: Thi ghép chữ vào hình - GV treo 2 bản đồ thế giới để trống tên các châu lục và các đại dương. - Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 10 em đứng xếp thành 2 hàng dọc ở 2 bên bảng. - Phát cho mỗi em ở mỗi đội 1 thẻ từ ghi tên một châu lục hoặc một đại dương. - Yêu cầu các em tiếp nối nhau dán các thẻ từ vào đúng vị trí của châu lục, đại dương được ghi tên trong thẻ từ. - Đội làm nhanh, đúng là đội thắng cuộc.	- 5 HS lên bảng: câu 1, 1 em; câu 2- 4 em - Các HS khác theo dõi, nhận xét - HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ - HS quan sát hình - 20 HS chia làm 2 đội lên tham gia cuộc thi. - Đọc bảng từ của mình và quan sát bản đồ để tìm chỗ dán thẻ. - 10 HS tiếp nối nhau nêu trước lớp, mỗi HS nêu về 1 châu lục hoặc 1 đại dương.
--	---

- Yêu cầu lần lượt từng HS trong đội thua dựa vào bản đồ nêu vị trí địa lí của từng châu lục, từng đại dương. - Nhận xét kết quả trình bày của HS * HĐ2: Đặc điểm tự nhiên và hoạt động kinh tế của các châu lục và một số nước trên thế giới. - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 5 + Nhóm 1, 2 hoàn thành bảng thống kê a. + Nhóm 3, 4 hoàn thành bảng thống kê b. (phần châu á, Âu, Phi) + Nhóm 5, 6 hoàn thành bảng thống kê b. (Các châu lục còn lại) - GV gọi đại diện các nhóm lên trình bày. - GV nhận xét, kết luận đáp án đúng.		- HS chia thành các nhóm, nhận phiếu của nhóm mình và làm việc theo yêu cầu - Các nhóm 1, 3, 5 dán phiếu của mình lên bảng và trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến.	
Tên nước	Thuộc châu lục	Tên nước	Thuộc châu lục
Trung Quốc	Châu Á	Ô- xtrây- li- a	Châu Đại Dương
Ai Cập	Châu Phi	Pháp	Châu Âu
Hoa Kì	Châu Mỹ	Lào	Châu á
Liên bang Nga	Đông Âu, Bắc Á	Cam- pu- chia	Châu á

b)

Châu lục	Vị trí	Đặc điểm tự nhiên	Dân cư	Hoạt động kinh tế
Châu Á				
Châu Âu				
Châu Phi				
Châu Mỹ				
C. <u>Củng cố, dặn dò</u>: (3 p) - GV tổng kết tiết học - Dặn HS về nhà học bài, chuẩn bị bài sau			- HS lắng nghe và ghi nhớ	